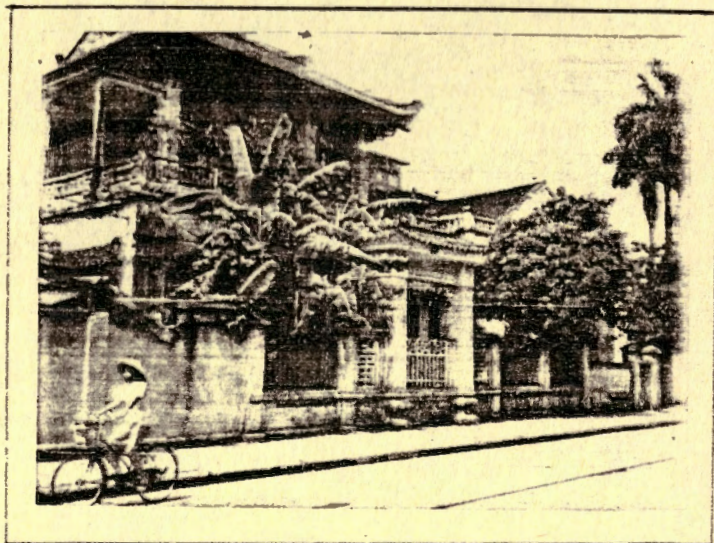




TOÀ SOẠN BÁO L'ANNAM NOUVEAU
BỜ HỒ HOÀN KIẾM HÀ NỘI



NHÀ Ở CỦA GIA ĐÌNH ÔNG NGUYỄN VĂN VINH
TỪ 1922 ĐẾN 1942 TRƯỚC CỬA TRƯỜNG BƯỞI
(CHU VĂN AN)

KỶ NIỆM
60 NĂM NGÀY GIỖ
ÔNG NGUYỄN VĂN VINH

1-5-1936 - 1-5-1996



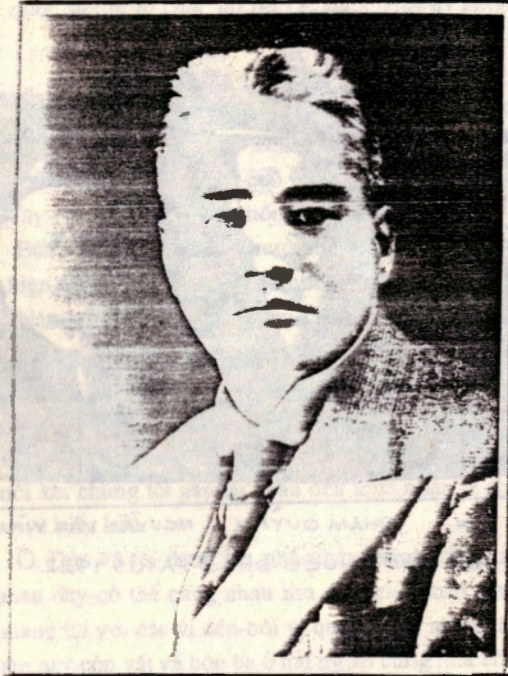
1882-1936

L'ANNAM NOUVEAU
CÁCH MẠNG ĐỔI MỚI
1906-1936



KỶ NIỆM
60 NĂM NGÀY GIỖ
ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH

1-5-1936 - 1-5-1996



1882-1936

L'ANNAM NOUVEAU
CÁCH MẠNG ĐỔI MỚI

1906-1936





PHẠM DUY TÓN PHẠM QUỲNH NGUYỄN VĂN VINH
 DỰ HỘI CHỢ THUỘC ĐỊA Ở PARIS 1922

ĐỂ THAY LỜI NÓI ĐẦU

THỬ ĐI TÌM MỘT LẬP TRƯỜNG TRANH ĐẤU CHO DÂN TỘC VIỆT NAM

Nhân dịp các nhân viên Phái đoàn Nam Triều đi dự cuộc triển lãm do Pháp quốc sử địa tổ chức tại Ba Lê, được Hội ấy tặng mỗi người một mẻ đay vàng.

Ô. Trần-Đức nói khê vào tai tôi, bảo hai anh em chúng mình mời bốn cụ Phạm-Quỳnh, Nguyễn-Văn-Vinh, Trần-Ngọc-Thiện, Cao-Văn-Sén đến chiêu hôm ấy dùng cơm tại Khách-Sạn Montparnasse. Chúng tôi nhân mời thêm cụ Phan-Tây-Hồ, anh Quốc, vợ chồng Trần-Hữu-Thường và ông. Hồ-Đắc-Ứng.

Bữa tiệc này tuy chỉ có mười người mà câu chuyện rất mặn mà sôi nổi vì có sự hiện diện của năm nhân vật phi thường ngồi chung lại một bàn.

Năm nhân vật ấy theo năm khuynh hướng chính-trị khác nhau mà gặp nhau trong một lúc trên đường tranh đấu xa quê-hương, nên trong sự va chạm đó cũng phải nảy lửa đôi chút. Nhưng Ô. Đức và tôi là chủ mời, muốn giữ mãi hoà-khí giữa đồng-bào, nên chúng tôi cố gắng hết sức niềm nở và tìm đủ cách để dung hoà các khuynh hướng, thành ra bữa tiệc chánh-trị mà mãi mãi sau này mỗi khi chúng tôi gặp lại nhau đều thừa nhận là chúng tôi đã tỏ ra hết sức cỏi mở và hiếu hoà.

Ô. Đức và tôi đứng lên nhã nhặn thành kính xin tất cả quan khách-đã gặp nhau đây-có thể cùng nhau tìm một giải-pháp cứu quốc và kiên quốc để khỏi mang tội với các vị tiên-bối vị quốc vong nhân đã qua đời và các vị tiên-bối hiện nay còn vất vả bôn ba ở hải ngoại cũng như còn ở tù trong lao tù.

Tôi xin nói tiếp là tại đây có năm nhân vật lỗi lạc trên chính-trường, tôi xin nêu danh-sách và khuynh-hướng để cùng nhau biết rõ lập trường của mỗi chiến sỹ để tranh luận cho có hiệu lực.

Tôi xin thưa qua danh-tánh và khuynh-hướng chính-trị, có chỗ nào sai lầm, xin đừng sự làm ơn cải-chánh cho cử-toạ nghe. Tôi xin thưa:

I) Cụ Phan-Châu-Trình, đồng chí với tôi. Cụ đã làm quan, bỏ về theo đường cách-mệnh. Đi Nhật, về nước bị tù đầy ra Côn-Lôn, nhờ Hội Nhân-Quyển Pháp can thiệp được trả tự do qua Pháp sống lây lết, gặp chiến tranh không chịu đi đánh giặc bị giam cầm một thời gian. Nay chủ-trương: "Lao tư cộng tác ỷ Pháp cầu tiến bộ".

2) Anh Nguyễn-Ai-Quốc, trốn ra khỏi nước nhà, qua Pháp, qua Anh rồi trở về Pháp, chủ trương "Cách-mệnh triệt để" (Lúc ấy chưa công khai chủ trương Cộng-Sản vì ở Pháp lúc bấy giờ ông Nguyễn Văn Tạo đã là Phó Chủ tịch Đảng Cộng-sản tại Bordeaux)

3) Ô. Kỳ-sư Cao-Vân-Sén, viết báo bằng Pháp-Văn, tại Pháp cực lực phản đối thực-dân Pháp ở Đông-Dương. Đường lối tranh đấu cho Tổ-Quốc Việt Nam gần như Cụ Phan Tây-Hồ và cũng thiên về Đảng Lập-Hiến Đông-Dương của cụ Bùi-Quang-Chiều.

4) Ô. Phạm-Quỳnh, Chủ-nhiệm Tạp-Chí Nam-Phong, chủ-trương Quân-chủ Lập-Hiến.

5) Ô. Nguyễn-Văn-Vinh, chủ nhiệm Báo Trung-Bắc-Tân-Văn chủ-trương "Trực-trị", và kịch liệt phản đối quan lại Nam-Triều mà ông không còn tin tưởng được nữa.

Kính xin quý bạn dùng com vui vẻ và lần lượt giải-thích thảo luận, trình bày những khía cạnh chủ-trương của mình mà anh em còn thắc mắc.

Cụ Phan Tây-Hồ bắt đầu nói: Tôi đã gặp Nguyễn-Ai-Quốc từ 10 năm trước đây mà tôi nhận thấy anh chủ-trương Cách-mệnh triệt để quá táo bạo nên tôi không thể theo anh được, và anh cũng không chấp nhận đường lối của tôi, anh phải đi qua nước Anh rồi về đây. Vừa rồi mấy tuần nay có Ô Cảnh, bạn thân của anh và cũng đồng châu với tôi, có tìm đủ cách để dung hoà đường lối tranh đấu mà mong muốn cho hai chúng tôi xích lại gần nhau. Nhưng đấu tôi tỏ thiện chí đến đâu, tôi cũng thấy còn khó...

Anh Quốc tiếp lời: Mấy hôm nay anh Cảnh qua đây có tiếp xúc nhiều với tôi và có nói cho tôi một câu ước mơ của Cụ Trần Văn: Nếu cuộc khởi-nghĩa của Vua Duy-Tân thành công thì sau này việc đấu tiên chúng ta sẽ làm là viết chữ Việt-Nam không phải: chữ "Tuất" một bên, mà phải viết chữ "Việt" là Phủ Việt, "Riù búa", mới kiện toàn được sự-nghiệp cách-mệnh. Sở dĩ tôi chủ-trương cách-Mệnh triệt để là xưa nay muốn dành độc-lập cho Tổ-Quốc và Dân-Tộc thì không thể nào ngã tay xin ai được mà phải dùng sức mạnh như cụ Trần-Cao-Vân đã nói là phải dùng BÚA RIÙ.

Ô. Nguyễn-Văn-Vinh cướp lời ngay đã bênh vực chủ-trương của mình mà cũng để giác ngộ anh Quốc - Tôi đã từng đứng trong hàng ngũ Đông-Kinh

Nghĩa-Thục, cùng các bậc tiên-bối và rất đau đớn thấy hàng ngũ lần lượt tan rã, và hầu hết phân tử ưu tú chiến sĩ quốc-gia bị tiêu diệt: Hết Phong-Trào Đông-Kinh Nghĩa-Thục, Chiến khu Yên-Thế của Đê-Tham ở Bắc, rồi đến vụ xin thuế ở miền Trung, rồi đến Thiên-Địa-Hội và Phong-Trào kháng chiến ở Nam, Phong-Trào Cần-Vương ở Trung, trước sau đều bị phân tán đến nỗi ngày nay tất cả tổ-chức cách-mệnh ấy chỉ còn cái tên trong ký-ức chúng ta thôi: Bao nhiêu chiến sĩ đều gục ngã hoặc còn vất vưởng sống ở Côn-Đảo, Thái-Nguyên. Lao Bảo, hay Banmethuot. Bạo động như anh Quốc nói là thậm nguy! Tôi không muốn khóc anh Quốc bị tiêu mà khuyên anh khôn khéo chèo chống cho qua cơn sóng gió hãi hùng, cần trọng hoài bão chí khí và nhiệt huyết để phụng sự Tổ-Quốc và Dân-Tộc. Hiện nay, khó mà được người có can-trường danh sát như anh. Sở dĩ tôi theo lập-trường TRỰC TRỊ (admininistion directe) là kinh nghiệm cho tôi thấy Nam-Kỳ trực-trị mà tiến bộ quá xa hơn Trung Bắc. Mà Bắc-Kỳ nhờ chế độ mập mờ nửa Bảo Hộ nửa Trực-Trị (không công khai) mà còn hơn Trung-Kỳ quá xa. Chính thể Bảo-hộ tại Trung-kỳ là quá lạc hậu, đồng bào chúng ta ở đó còn trong tình trạng ngu muội. Cứ Trực-Trị cái đã rồi sau khi được khai hoá theo đà tiến bộ thì tức khắc dân chúng tự có sức mạnh mà trỗi dậy lên. Nói Trực-trị tôi chẳng khi nào chịu giao nước Nam cho Tây đâu. Quá khứ đường lối tranh đấu của tôi, cuộc đời thiếu thốn của tôi đã hùng hồn bảo đảm cho lời nói của tôi hôm nay.

Ô. Phạm-Quỳnh tiếp: Có lẽ ngay giữa tiệc này tôi đã thấy có rất nhiều lập-trường tranh đấu chống lại chủ-thuyết mà tôi vẫn hoài bão: "QUÂN CHỦ LẬP HIẾN". Nói đến nền quân-chủ thì phần đông tỏ vẻ lo sợ chế-độ chuyên chế. Nhưng xin đồng bào tương mắt nhìn hai nước Anh và Nhật. Với nền Quân-chủ họ đã văn minh tột mức và dân-chủ còn hơn các nền dân-chủ cộng-hoà khác nhiều lắm. Họ có thể đứng vào hàng dân anh trên hoàn cầu. Đây tôi chủ-trương là "Quân-Chủ Lập-Hiến". Vua chẳng còn quyền hành gì trong tay mà chuyên chế được. Vua chỉ là người đứng lên "thừa hành" bản hiến-pháp mà chính nhân dân toàn quốc được triệu tập dự thảo và quyết định. Như thế chúng ta có một chế-độ trường cửu do ý dân tự tạo cho mình. Chớ như chế-độ Cộng-Hoà hay Dân-chủ thì sợ mỗi khi sau bốn năm, có thay đổi Tổng Thống thì thay đổi tất cả, làm cho guồng máy hành-chánh trong nước phải bị xáo trộn trầm trọng.

Từ ngày tôi sáng lập Tạp-chí Nam-Phong đến nay tôi có nhiều dịp đi đó đây tiếp xúc rất đông đông bào ba kỳ thì phần đông - mà xin quả quyết là đại đa số - đều nhiệt liệt tán thành chế-độ quan-chủ lập-hiến. Người Nam cũng niềm nở hưởng ứng vì họ thấy đó là đường lối duy nhất để thống nhất lãnh thổ và dân-tộc từ mũi Cà mau đến ải Nam-Quan.

Ô.Phạm-Quỳnh vừa dứt lời thì tôi ngó qua Ô.Kỹ-sư Cao-Văn-Sén. Biết là đến phiên biện giải, ông Sén tiếp lời ngay để nói đường lối tranh đấu của mình.

- Thú thật, tôi tiêm nhiễm sâu xa văn-hoá Pháp và cũng nhận thấy văn-hoá này có thể giúp cho dân tộc ta tiến lên dài văn minh tiến bộ như mọi dân tộc khác trên hoàn cầu. Tôi thấy họ văn minh thật sự về mọi mặt. Nhưng từ ngày tôi ở đây, luôn luôn chống đối chính-phủ Đông-Dương, vì tôi nhận thấy cũng là người Pháp, mà mỗi khi bước chân xuống tàu qua Đông Dương, thì bắt đầu có trong khối óc họ những chủ-trương thực-dân hà chính tàn khốc, mà tôi không thể chấp nhận được cho đồng bào cả ba Kỳ, mặc dầu ở Nam-kỳ, dân khí đã tiến bộ khá mạnh, người Pháp chẳng dám ăn hiếp như ở hai kỳ kia. Vì thế tôi nhờ tài liệu nước nhà mà anh em thủy-thủ hàng hải thường thương vui lòng cung cấp cho tôi dùng làm hào để chống đối chế độ thực dân ở Đông-Dương. Tôi thành thực thừa rằng tôi chưa có một chủ-thuyết rõ rệt như bốn ông vừa giải thích rành mạch. Tôi chỉ có thái độ chống bọn thực dân xấu xa bỉ ổi.

Ô.Cao-Văn-Sén được cử-toạ nhiệt liệt hoan hô, vì ông khiêm nhượng không dám đưa ra một chủ-thuyết gì mới mà chỉ nói lên lời nói chân thành của con tim người dân yêu nước, yêu đồng bào.

Nhận thấy năm diễn-giả đã nói lên lập trường của mình và ai cũng biện minh chủ-thuyết mình là đúng là hay, tôi muốn tìm cách dung hoà đúc kết làm sao mà sau khi ai về nhà nấy ai cũng sẽ có một hệ thống gì để lại sau lưng chúng ta khả dĩ tiếp tục tranh đấu đến thắng lợi. Lời nói thì hay, nhưng để như vậy ra về, thì thiếu thống nhất cho đường lối tranh đấu về tương lai.

Tôi khẩn khoản xin Quý Cụ là bậc tiên-bối nên thảo luận ngay một kế hoạch hay hệ-thống nào để làm việc cho có hiệu quả về sau.

Anh Quốc nóng nảy bảo ngay: Thì xin Chú nói ngay ý kiến chú ra.

Tôi tiếp lời: Cũng như anh đã trả lời cho Cụ Phan mấy hôm trước đây, tôi muốn nghe ngóng tất cả để sau này áp dụng một chủ-nghĩa thực tiễn, lấy

Văn-hoá Việt-Nam làm gốc. Có thể mới hợp với tính tình Dân Tộc Việt-Nam: Hành động gì bây giờ là thất bại ngay, mà cũng như Cụ Phan-Tây-Hồ đã trình trọng cảnh cáo hai anh em chúng tôi mấy kỳ gặp gỡ trước đây, mà tôi rất bái phục:

"Vô bạo động, bạo động tắc tử, vô vọng ngoại, vọng ngoại tắc ngu. Dư hữu nhất ngôn dĩ cáo ngộ đồng bào. Viết: Bất như "Học".

Anh Quốc, quát to tiếng: "Này cụ "Tây-Hồ, nếu Cụ qua làm Toàn-Quyền Đông-Dương thay mặt thực-dân cũng chỉ nói như thế thôi. Bỏ tay mà chịu làm than sao? Không được !

Tôi sợ anh Quốc đi quá trốn, đứng lên thưa, ôn hoà: Tôi xin anh suy nghĩ thêm về lời khuyên của Cụ Tây-Hồ. Nếu chúng ta khôn khéo thì "bất chiến tự nhiên thành".

Anh Quốc lại quát lớn: "Lại thêm chú này nữa kia!"

Tôi được dịp kịch liệt bác bỏ luận điệu Anh Quốc và bênh vực chủ thuyết của Cụ Tây-Hồ:

- Tôi có đọc và rất chú ý đến mấy lời kết luận một bài diễn văn của Tổng-Trưởng Thuộc-Địa Albert Sarraut vừa đọc tại Trường Cao-Học Thuộc-Địa như thế này:

" Chúng ta nên thành thực khai hoá thuộc địa mệnh mông của chúng ta khắp năm châu.

"Biết đâu, một ngày nào đó chẳng xa, sau khi được khai hoá tiên bộ đến mức, các dân tộc này sẽ trôi dạt, đồng mãnh như "LÀN SÓNG THỐI HẬU" (vagues de ressac: sic) và sẽ là sức mạnh vô biên cho toàn thể Liên-hiệp-Pháp với dân số trăm triệu!"

Xin anh Quốc hiểu cho, đó là thâm ý tôi nói mấy chữ "bất chiến tự nhiên thành". Nhưng chúng ta phải nghe lời tiên- bối như Cụ Phan-Tây-Hồ, bắt đầu HỌC và hằng hái HỌC.

Anh Quốc không chịu và nói chớ nghe bọn nó ru ngủ chúng ta, mà bỏ lỡ công cuộc tranh đấu cho Tổ-Quốc, ngồi chờ "làn sóng thối hậu" thì ngớ ngẩn quá, chớ nghe chúng phỉnh!

Tôi không chịu nhượng bộ, vội vã tiếp:

- Xin anh Quốc quay lại lịch sử nhân loại mà suy gẫm câu nói chí lý của nhà văn hào La-Mã, HORACE, gần hai nghìn năm nay, như thế này:

"Hy-Lạp bại trận dưới gót giày xâm lăng của La-Mã, bị văn-hoá La-Mã tràn ngập ! Nhưng Hy-Lạp đã khôn khéo tiêu hoá nền văn minh kia, để bồi

dương văn-hoá truyền thống của mình, rồi nhờ đó, chiến thắng lại kẻ đã đánh bại mình trước kia và đem văn-hoá phối hợp của mình đi chinh phục và khai hoá lại La-Mã."

Xin Anh Quốc nên suy gẫm rằng "bánh xe lịch sử" sẽ tiếp tục lăn tròn và đến ngày dân-tộc Việt-Nam ùa theo "làn sóng thời hậu" mà vùng dậy thì chẳng còn sức mạnh nào ngăn chặn nổi.

Tôi đặt nhiều hy vọng vào tương lai Dân-Tộc Việt-nam vì sức mạnh vô biên của Văn-Hoá Việt-Nam có những "Bí quyết tồn chủng" mà dân tộc khác không nghĩ đến.

Cử-toạ nghe lời tôi biện bạch xác đáng là cứ ôn hoà chờ đợi thời cơ thuận tiện để tranh đấu.

Thấy anh Quốc chưa hoàn toàn chịu phục, tôi nói thêm về lịch sử Trung-Hoa: "Hàn Sở tranh hùng" mà nhấn mạnh rằng: Cái thắng lợi cuối cùng không phải về cho kẻ mạnh, mà kẻ yếu biết khôn khéo dùng "thế" và "cơ" để thắng cuộc. Lúc bấy giờ ai mạnh cho bằng Hạng-Võ, ai yếu cho bằng Lưu-Bang. Nhưng Lưu-Bang rút lui về Hán-Quốc, là nơi khí ho cò gậy, để tìm cho kỳ được cái thế (vì có thế là cái bàn đạp thì dễ dàng xeo nổi quả địa-cầu kia mà), rồi sau khi ngồi trên "thế" sẽ dùng đến "cơ" mà đánh bẹp Hạng-Võ phải tự tử ở Ô-Giang!

Làm chính trị phải suy luận chín chắn bài học lịch sử. Tôi khẩn khoản xin anh nghe lời Cụ Tây-Hồ. Cử-Toạ đồng thanh cho tôi nói đúng lý, và ngỏ lời cùng ó. Đức và tôi rất cảm kích và bữa tiệc hôm ấy.

Trước khi chia tay, tôi còn khẩn khoản thưa cùng Quý khách đôi lời đã đúc kết cuộc thảo luận hôm nay bằng-lời quả quyết rằng: Bất cứ chánh sách gì cho Tổ-Quốc Việt-Nam ngày mai, mà không dựa vào nền tảng Văn-Hoá và Văn-Hiến nghìn xưa của Dân-Tộc sẽ bị thảm bại. Vì dân ta đã thâm căn cố đế tiềm nhiệm sâu sắc với những tập quán cha truyền con nối bằng một tinh-thần cố hữu đã được đơm hoa kết quả tốt đẹp qua bao cuộc thăng trầm.

Các Cụ cho là phải, lần lượt bắt tay tôi siết thật mạnh tỏ vẻ tán thưởng tấm nhiệt thành của tôi.

Phần đông quan khách hôm ấy đều có xe, nhiều người đổ xô ra mời cụ Phan và anh Quốc lên xe để họ đưa về. Nhưng anh Quốc rĩ tai cùng tôi, bảo: Chứ đưa mình về, vì mình không muốn ai biết cái nghèo của mình.

ĐỂ TƯỢNG NHỚ ÔNG PHAN CHU TRINH



Phan Châu Trinh và con trai là Phan Châu Đật chụp tại Pháp (ảnh Lưu trữ Hải ngoại Pháp)

A LA MÉMOIRE DE PHAN CHU TRINH

C'était vendredi dernier l'anniversaire de la mort de notre célèbre patriote: Phan chu Trinh.

En Cochinchine, à Tan Son Nhut où se trouve sa demeure éternelle et à Dakao où une maison de culte lui est dédiée, nos nombreux compatriotes ont été commémorer dignement le souvenir de celui dont le nom est désormais attaché à l'œuvre de révolution pacifique entreprise par les esprits clairvoyants en ce pays.

Rappelons en quelques lignes la vie toute de privations et de souffrances de ce patriote digne d'exemple et de vénération.

Dès 1906, exactement le 15 août, Phan chu Trinh adressa au Gouverneur Général de l'Indochine un retentissant mémoire rédigé en caractères chinois. Ce fut une éloquente philippique contre les mandarins incapables et véreux qui vouaient alors à Phan chu Trinh une haine mortelle.

Au lendemain de la révolte dite des « cheveux coupés », mouvement de protestation pacifique contre les impôts excessifs, Phan chu Trinh fut arrêté, condamné à mort par la Cour de Huế, puis grâcié à la suite de l'intervention de la Ligue des droits de l'Homme, et enfin déporté à Poulo Condore.

Trois ans après, Phan chu Trinh quitta le bagne grâce aux généreuses démarches des notabilités françaises. Il resta quelque temps à Mytho puis accompagna le gouverneur général Klobukowski en France.

Au cours de ses longues années à Paris, pas un instant il ne quitta l'Annam de sa pensée. Il se consacrait

ĐỀ TƯỜNG NHỚ ÔNG PHAN CHU TRINH

Thứ sáu vừa qua là ngày giỗ của người yêu nước của chúng ta là ông Phan Chu Trinh

Trong miền Nam ở Tân Sơn Nhất có ngôi mộ của ông và ở Đa Cao có ngôi nhà thờ dành cho ông, đồng đảo đồng bào chúng ta nghiêm trang làm giỗ ông để tưởng nhớ đến một người mà tên tuổi mãi mãi gắn liền với sự nghiệp cách mạng hoà bình, đã được người có đầu óc sáng suốt của đất nước ta tiến hành.

Tóm tắt bằng một vài dòng, chúng ta hãy nhớ lại cả một cuộc đời đầy thiếu thốn và đầy đau khổ của một người yêu nước xứng đáng được tôn trọng và được lấy làm gương mẫu này.

Ngày từ năm 1906, đúng vào ngày 15 tháng 8 ông Phan Chu Trinh đã viết cho viên toàn quyền Đông dương một bức thư viết bằng chữ nho. Đây chính là một bản án hùng hồn chống lại bọn quan lại bất lực và ăn hại, họ đã mang một mối thù không đội trời chung với ông Phan Chu Trinh.

Ngày hôm sau cuộc nổi loạn được gọi tên là "cát tặc" phong trào đấu tranh hoà bình chống sưu thuế khắc nghiệt, Ông Phan Chu Trinh bị bắt và bị triều đình Huế kết án tử hình, sau được tha bổng là nhờ có sự can thiệp của hội nhân quyền, và cuối cùng ông bị đày ra Côn Đảo.

Ba năm sau, Ông Phan Chu Trinh được tha tù là nhờ có sự vận động hào hiệp của những nhân sỹ người Pháp. Ông đã trở lại một thời gian ở Mỹ Tho, và sau đó đã đi cùng viên toàn quyền Klobukowski sang Pháp

Trong suốt nhiều năm kéo dài ông sống ở Paris. Không một lúc nào ông rời bỏ nước Nam ra khỏi ý nghĩ của mình. Ông đã giành thời gian để viết những áng văn chương nổi tiếng, tham gia những câu lạc bộ chính trị, và diễn thuyết tại các hội bác học. Sống một cuộc đời thật sự như một nhà tu hành, và đã có lúc làm thợ ảnh, Ông Phan chu Trinh không thể nào theo đuổi lâu dài một cuộc đời yên tĩnh và ẩn dật. Ông lại được làm quen với nhà tù "Cherche midi" (đi tìm giữa trưa).

Được thả ra, ông Phan Chu Trinh trở về Miền Nam, và ở đó ông đã qua đời ngày 24 tháng 3 năm 1926, ở giữa những sự tôn thờ và kính phục của tất cả đồng bào của ông.

fréquentant les cercles politiques et en donnant des conférences aux sociétés savantes. Menant une véritable vie d'oscèle en se faisant même ouvrier photographe, Phan chu Trinh ne pouvait pas cependant poursuivre longtemps une existence tranquille et retirée. Il fit de nouveau la connaissance de la prison du Cherche Midi.

Relâché, Phan chu Trinh rentrait en Cochinchine au il s'éteignit le 24 mars 1926, au milieu de l'adoration et de la vénération de tous ses compatriotes.

On peut dire que Phan-Chu-Trinh était l'apôtre de la collaboration franco-annamite. N'a-t-il pas dit : Pour vivre et nous développer en Asie, nous avons besoin d'une force matérielle que seule la France pourra nous donner; la France de son côté, pour maintenir son prestige en l'extrême-Orient a besoin de notre collaboration. Unis, nous pouvons tout, séparés nous ne pouvons rien !

Connaisant les bassesses et les rancunes des mandarins de l'époque, Phan-Chu-Trinh était sans haine contre la France qui avait conquis son cœur en lui accordant sa généreuse hospitalité.

Phan-Chu-Trinh est mort.

Ses idées restent.

Pour honorer sa mémoire nous avons estimé comme notre confrère la Tribune Indochinoise, en Cochinchine, qu'on ne saurait faire mieux que de publier la traduction de la lettre précitée, écrite en 1906 par Phan-Chu-Trinh au chef de la colonie et dont la plupart des suggestions restent d'une brûlante actualité.

L'ANNAM NOUVEAU

23 mars 1933

Người ta có thể nói : Ông Phan Chu Trinh là người tôn sùng chủ nghĩa hợp tác Pháp - Việt. Ông vẫn thường nói : Để sống và phát triển ở Á châu này, chúng ta cần phải có một sức mạnh vật chất, mà chỉ có một mình nước Pháp có thể cấp cho chúng ta được ; còn về phía mình nước Pháp muốn giữ được uy tín của mình ở Đông nam Á lại cần có sự cộng tác của chúng ta. Đoàn kết, chúng ta có thể làm được tất cả, chia rẽ chúng ta không thể làm gì được cả !

Biết rõ sự thấp hèn và những hận thù của bọn quan lại thời bấy giờ, ông Phan Chu Trinh không có thù hằn gì với nước Pháp, nước đã chiếm được trái tim của ông vì đã chấp nhận một cách hào hiệp sự cư trú của ông.

Ông Phan Chu Trinh đã qua đời

Nhưng tư tưởng của ông vẫn còn mãi.

Để trân trọng những kỷ niệm của ông, chúng tôi cũng như những đồng nghiệp của chúng tôi là báo "La tribune Indochinoise " (diễn đàn Đông Dương) ở trong Nam, cho là người ta không có cách nào làm tốt hơn là đăng lên bản dịch của bức thư đã nói ở trên, được viết vào năm 1906, của ông Phan Chu Trinh gửi cho toàn quyền Đông Dương, mà phần lớn những kiến nghị vẫn còn giữ nguyên tính chất thời sự nóng bỏng.

L' ANNAM NOUVEAU

23 - 3 - 1933

LETTRE DE PHAN CHU TRINH
AU GOUVERNEUR GÉNÉRAL EN 1906

Je viens vers vous, moi, Phan-Châu-Trinh; ancien mandarin, pour vous exposer la situation très critique du pays d'Annam.

Depuis que l'Annam est placé sous leur protectorat, les Français y ont établi des routes, des ponts, des lignes de navigation, des chemins de fer, des postes et télégraphes. Personne ne contestera le bienfait manifesté de ces transformations: mais ils n'ont apporté aucune attention ni aux abus de l'administration, ni aux progrès rapides de la misère et de la décadence morale du peuple; et c'est là précisément ce qu'on peut leur reprocher; ils ont fermé les yeux sur ces maux qui minent notre nation et la font mourir. Ecoutez plutôt ce qui se passe, depuis bien longtemps déjà.

A la Cour, les hauts mandarins ne s'intéressent qu'aux vieilles futilités du passé, dans les provinces, les fonctionnaires annamites étaient sans retenue leur cruauté. Ils ne vivent que pour flatter leurs chefs et pressurer leurs administrés. Les classes supérieures et moyennes de la société ont perdu toute dignité. La masse du peuple, que les exactions des autorités indigènes écrasent chaque jour davantage, vit dans une misère noire. Les affaires publiques ne vont plus. L'exode des populations rurales a commencé. Le niveau de la moralité baisse avec une rapidité effrayante. On ne respecte plus les coutumes des ancêtres ni les traditions nationales. Et ainsi notre pays, qui couvre plus de 400.000 lieues carrées et compte plus de 20.000.000 d'habitants, retombe peu à peu de la demi civilisation, dans la barbarie complète.

Sans doute il ne manque point parmi nous d'hommes éclairés qui s'affligent au plus profond de leur coeur de la

THƯ CỦA Ô. PHAN CHU TRINH
GỬI TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG
1906. NGUYỄN BẠN CHỦ HẠN
Ô. NGUYỄN VĂN VINH DỊCH RA
PHÁP VĂN NĂM 1906 ĐỂ GỬI
CHO TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG

ruine de leur patrie et qu'étreint d'angoisse le spectacle de la disparition de leur race. Mais ceux eux d'entre eux qui ont le plus d'audace vont chercher un refuge au delà des mers et c'est loin de leur pays, dans l'exil, qu'ils versent leurs larmes.

Quant aux autres ils se terrèrent dans leur coin de village et ne soufflent mot. Personne n'ose s'adresser aux fonctionnaires français pour dénoncer, sans réticence, les iniquités du mandarinat indigène et pour crier bien haut la misère du peuple; de sorte que dans une certaine mesure, ce sont les classes supérieures de la société annamite qui sont responsables à la fois de l'ignorance où le Protectorat se trouve depuis longtemps de la conduite véritable des mandarins, et de la situation lamentable de ce pays aujourd'hui irrémédiablement perdu. Et ce qui aggrave le mal, c'est que les Annamites, bien à tort d'ailleurs, se persuadent que le Protectorat ne songe qu'à les écraser sous sa botte.

Voici plusieurs années déjà que je ne suis plus mandarin; j'ai parcouru le pays dans tous les sens; mes oreilles ont entendu ce que pense le peuple, et j'ai vu de mes yeux, traire, que dans ce monde où la force est souveraine, c'est l'union étroite des concitoyens qui, seule, peut assurer leur triomphe? Et de son côté, le gouvernement français ne doit-il pas rechercher ce qui a conduit ce peuple si longtemps protégé et couvé par lui à la fois à une telle déchéance et à un aussi fol espoir?

A mon avis, la première de ces causes de désorganisation et de ruine s'explique par la trop grande liberté que le Protectorat a laissée aux mandarins indigènes.

D'ordinaire, qui dit protectorat dit surtout contrôle permanent des autorités du pays protégé par quelques hauts fonctionnaires du pays protecteur; mais dans nos provinces, malgré la présence d'administrateurs français auprès des autorités indigènes, ce sont celles-ci qui, en fait, dirigent toute l'administration locale; de sorte qu'en définitive, c'est de leur talent ou de leur bon plaisir que

dépend la prospérité du pays.

Depuis 40 ans, la décadence de l'Annam se précipite. L'engourdissement est général. On ne respecte ni traditions, ni lois. Le niveau intellectuel baisse. Partout, chez les hauts mandarins comme chez les fonctionnaires subalternes chez les lettrés comme chez les notables et, jusque dans les moindres villages, chez ceux qui détiennent la plus infime parcelle de pouvoir ce sont les mêmes intrigues en vue de l'avancement, les mêmes flatteries, la même corruption. Tous assiègent perpétuellement la porte de leurs supérieurs la bouche ouverte et la main tendue.

Au-dessous, la masse énorme du peuple ne songe qu'à boire, manger et jouir. Avachis au fond de leur village, agriculteurs ou petits marchands vivent d'une vie toute bestiale. Toutefois, ici encore, ce sont les rusés qui triomphent au milieu de cette multitude grouillante impuisante de vers qui rampent. Les exactions peuvent se multiplier et les coups de rotin pleuvoir: aucune révolte n'est à craindre. C'est une veulerie générale. Voilà la véritable situation, et je n'exagère rien.

Quand une nation est à ce point déchue, la seule politique qui lui convienne, c'est de lui donner d'abord des lois justes, et sévères pour y assurer l'ordre et la paix et de l'initier peu à peu à la civilisation.

Depuis leur arrivée ici, les Français connaissent cette situation. Ils savent qu'il est impossible de changer du jour au lendemain les moeurs des indigènes et, en particulier, de faire appel, en ce qui concerne l'administration supérieure, à la collaboration des Annamites. Ils n'en ont pas moins maintenu les mandarins provinciaux, en les réduisant, il est vrai, au rôle de simples agents d'exécution. Quand aux questions qui intéressent la vie même de la nation, ils les ont totalement négligées, se contentant de dire qu'ils gouvernent l'Annam par les Annamites.

Sans doute, de temps à autre, vous révoquez quelques

fonctionnaires indigènes, mais c'est souvent pour remplacer le mauvais par le pire. Bien plus, il arrive qu'un tel, révoqué aujourd'hui, recevra un avancement demain, ou que tel autre qui s'est rendu impossible à Y, sera simplement expédié à Z. Pourquoi s'étonner dès lorsque ces individus n'aient plus aucune retenue? Ils savent qu'ils n'ont rien à craindre, que la bienveillance ou la négligence de leurs protecteurs leur assure l'impunité, et ils en arrivent même à considérer comme tout à fait naturelles et cette bienveillance et cette impunité, de sorte qu'ils laissent libre cours à leur sans-gêne, à leur corruption et à leur paresse. Ils considèrent que pour la sécurité de leur situation, ils se doivent à eux-mêmes de faire le silence de la misère du peuple.

Voyez-vous cet homme richement habillé et propriétaire de nombreux équipages? C'est, soyez en persuadé, quelque haut fonctionnaire de la Cour ou quelque mandarin provincial. Croyez bien d'ailleurs qu'il ne s'acquitte de ses fonctions que par routine et qu'il est tout au plus capable de recevoir et de transmettre des papiers officiels. Ne l'interrogez point sur la situation de son pays ou de sa province. Il serait obligé de vous avouer qu'il n'en a aucune idée. Il n'y a pas un préfet ou un sous-préfet qui soit bon, à autre chose qu'à percevoir l'impôt et à courber l'échine devant son supérieur Français. Il ignore tout des intérêts essentiels de sa préfecture ou de sa sous-préfecture. A tous les degrés de la hiérarchie, la corruption et les exactions sont érigées à la hauteur d'une tradition et même d'un devoir.

Non, nous avons beau dire que le niveau intellectuel et moral des Annamites n'a jamais été très élevé, il est hors de doute que, s'ils n'avaient jamais connu qu'un pareil régime, il y a longtemps qu'on ne parlerait d'eux qu'au passé. Aurai-ils jamais pu, avec un gouvernement aussi corrompu, défendre pendant plus de 1.000 ans leur existence au milieu des nations guerrières du Sud de l'Asie et rester jusqu'à notre siècle un peuple grand et

fort? Je doute qu'il y ait, sur toute la surface du globe, un seul protectorat, une seule colonie, qui eût survécu à un pareil régime.

On dit que la législation annamite est très imparfaite; mais, si imparfaite qu'elle puisse être, elle offrirait certainement, dans l'arsenal de ses prescriptions, des règlements suffisants pour réprimer les scandales de l'administration des mandarins. Pourquoi n'avoir emprunté à cette législation que les plus barbares de ses dispositions? On n'a retenu que celles qui permettent de comprimer plus étroitement un peuple impuissant, alors que l'on a adouci la rigueur des lois pour les mandarins, qui, désormais à l'abri de toute inquiétude, se laissent aller à tous les excès.

En un mot, je le répète, c'est dans l'absence de tout contrôle du Protectorat sur les mandarins provinciaux qu'il faut chercher la première cause de la situation malheureuse de ce pays.

J'en trouve une seconde dans le mépris que les Français ont pour les Annamites. Depuis leur installation ici, Français ont en perpétuellement sous les yeux le spectacle lamenable de mandarins corrompus au milieu d'un peuple dégénéré, ignorant et grossier. Aussi, dès le début n'ont-ils témoigné que du mépris pour une nation qu'ils jugeaient incapable de se conduire elle-même. Et voilà comment partout, dans vos journaux, dans vos livres, dans vos dessins, dans vos conversations familières elles-mêmes, s'étaient dans toute son intensité ce profond mépris dont vous nous écrivez. A vos yeux, nous ne sommes que des sauvages, des porcs, des êtres incapables de distinguer le bien du mal, et que non seulement vous refusez de traiter en égaux, mais dont vous redoutez l'approche comme une souillure.

Combien de fois n'avez-vous pas accablé des pires humiliations tel ou tel de nos notables ou de nos lettrés dont le seul crime était d'avoir encouru, à tort ou à raison, la colère d'un de vos hauts fonctionnaires! Combien de

fois hélas! des ouvriers, des petits marchands indigènes, des paysans nus pour s'acquitter de leurs corvées, ont-ils été frappés, blessés et même tués par des Français! Et je ne crains pas d'être démenti.

Du nord au sud de l'Annam, on se transmet le récit des mauvais traitements que vous nous appliquez - Des rancunes et des haines s'accumulent. Et tous en contenant leur indignation, les Annamites se répètent: "Les Français nous traitent comme des animaux sans intelligence". Le seul sentiment que vous ayez inspiré à ces populations ignorantes des campagnes, c'est la crainte; vous leur causez autant d'effroi que le tonnerre ou le diable. Elles vous fuient et redoutent toujours de ne pas pouvoir fuir assez loin.

Quelques-uns il est vrai, parmi ceux que vous employez, ont encore conservé quelque dignité. S'ils subissent sans murmure votre perpétuel manque d'égards. Ils n'en sont pas moins douloureusement affectés, et c'est un sentiment de dégoût qui leur emplit le cœur lorsque, dans le recueillement du soir, ils considèrent toute l'humiliation de leur état. Malheureusement pris en quelque sorte dans un engrenage, ils sont réduits à l'impuissance.

En tous cas, ne croyez pas que nous ayons perdu tout sentiment d'honneur ou de dignité et que nous prenions plaisir à nous vautrer dans l'opprobre ou même à recevoir des éclaboussures de honte. Malgré tout, ce sentiment de crainte est si général qu'actuellement aucun notable ou mandarin annamite ne rencontre un fonctionnaire français sans qu'un frisson de peur ne lui courbe l'échine et ne le pousse à toutes les bassesses pour gagner sa faveur ou éviter sa colère.

Quant aux paysans, aux petits fonctionnaires et aux notables des villages, dès qu'ils sortent de chez eux, ne fût-ce que de quelques pas, la seule vue d'un Français, quel qu'il soit, fonctionnaire, simple soldat ou négociant, les fait immédiatement filer d'une course rapide et la tête

bassée, affolés d'avance par la peur de subir quelque humiliation ou même de recevoir des coups.

Etant donné cet antagonisme entre les représentants des deux races qui habitent ce pays, pourquoi donc s'étonner qu'il n'y ait que les quémandeurs l'emplois qui osent encore se présenter dans les bureaux de l'administration française? Vous n'y voyez très rarement un Annamite de bonne famille.

De temps en temps, le Résident d'une province peut entendre une plainte individuelle. Mais les doléances collectives de ses administrés mourants de misère ne parviennent jamais à ses oreilles.

Certes, je ne conteste point que les reproches de fourberie et d'indélicatesse qui pèsent sur le peuple annamite ne soient presque toujours fondés; mais sur les millions d'individus que compte notre nation, il n'y a peut-être pas deux hommes, parmi tous ceux qui ont accès auprès de vous, qui soient au courant de la situation réelle du pays et en même temps capables de vous l'exposer. Aussi, plus nous demeurerons ensemble, plus nous deviendrons étrangers, j'en ai bien peur, les uns aux autres, et les barrières qui nous séparent ne s'abaisseront jamais.

Je viens de lire dans un numéro du Dai-Viêt-Tân-Bao qu'il y a aujourd'hui une vingtaine d'Annamites réfugiés au Japon. Il faut insister sur ce fait. Aucun de ces vingt hommes, en effet, n'ignorait la misère du pays, ni les obstacles qui empêchent les plaintes du peuple d'arriver jusqu'aux oreilles de l'autorité supérieure. De plus, aucun d'eux certainement n'habitait à plus de 100 lieues de la plus proche résidence, probablement même pas à plus de 30 à 40 kilomètres. Or, voilà des hommes dont, pendant plus dix siècles, les ancêtres n'ont pas quitté le province natal, et qui, aujourd'hui n'hésitent point à abandonner femme, enfants, parents, amis pour se réfugier au delà de océans lointains, dans un pays entièrement inconnu de leurs pères, et cela, à seule fin de pouvoir y donner libre cours à la douleur qui les oppressait. Ils ont mieux aimé

s'exiler que de s'adresser aux autorités françaises de leur voisinage pour leur exposer franchement leurs griefs.

Pouvez-vous expliquer ce fait presque invraisemblable de leur part autrement que par le mépris que vous affichez sans cesse pour nous et qui élargit davantage encore le fossé qui nous sépareit.

En troisième lieu, les mandarins ont tout fait pour accentuer l'isolement où se trouve la nation vis-à-vis des autorités françaises afin de pouvoir l'exploiter plus à leur aise.

J'ai déjà marqué quelle divergence de sentiments et d'intérêts sépare les Annamites des Français, j'ai signalé aussi l'impunité dont jouissent les mandarins indigènes. Je reste persuadé néanmoins que si ceux-ci n'avaient point élevé d'aussi puissantes barrières entre le peuple annamite et l'administration française, l'entente serait facile. Du jour où quelque haut fonctionnaire Français, ayant longtemps habité le pays, se rendrait compte de la situation, ou même du jour où le peuple, à bout de vexations, prendrait lui-même l'initiative d'ouvrir les yeux du Protectorat, une union plus étroite rapprocherait Européens et Annamites, toute équivoque cesserait et ce serait la fin du régime arbitraire des autorités indigènes; mais c'est là précisément ce dont les mandarins ne veulent à aucun prix; et c'est pourquoi tous leurs efforts tendant à creuser plus profondément que jamais le fossé qui isole leurs supérieurs de leurs administrés.

Ils savent très bien que les autorités françaises attachent surtout du prix à la rentrée de l'impôt, à l'exactitude des listes, des inscrits, à la recherche de tous les complots plus ou moins dangereux, ourdis dans les ténèbres, en un mot, à la marche régulière de la machine administrative. Aussi ne se préoccupent-ils pas d'autre chose; et du moment qu'ils ont obtenu les résultats qu'exige d'eux l'autorité française, les voilà les mains libres. Ils en profitent pour écorcher le peuple, lui sucquer jusqu'à la dernière goutte de son sang et manger le der-

nier lambeau de graisse qui lui reste. Puis, désormais à l'abri de tout souci, chacun d'eux gouverne sa province, sa préfecture ou sa sous-préfecture, en se drapant dans le prestige que lui donne l'autorité française, pour inspirer au pauvre peuple une peur salutaire et contenir les classes supérieures.

Les paysans et les notables auraient-ils l'idée de s'unir pour protester? Les mandarins ont prévu le danger et, pour l'éviter, ont eu la suprême habileté d'inventer contre ces deux catégories d'adversaires les accusations qui présentent aux yeux des Français le plus de gravité: je veux dire celles de conspirer et de faire partie d'une société secrète. Et le malheur est que ces accusations mensongères, si dénuées de preuves soient-elles, trouvent un écho auprès des fonctionnaires Français. Combien de familles ce système de délation n'a-t-il ruinées! Même quand elles savent pertinemment que le mandarin annamite leur a menti, les autorités françaises ne lui en tiennent pas rigueur: c'est, disent-elles, un mandarin habile et zélé.

Et c'est ainsi que le peuple retourne de plus en plus à la héstialité, que les classes supérieures sont de plus en plus réduites au désespoir, tandis que le pouvoir et l'influence des mandarins grandissent encore.

Tout est pour eux matière à exactions; contestations entre particuliers, procès criminels, contrats privés, il n'est aucun acte de la vie des gens du peuple dont ils ne tirent quelque profit. Mais il a pis encore. Que le gouvernement décide par exemple une enquête officielle sur le nombre des écoles, la quantité des plants de mûriers, le chiffre des inscrits, ou bien qu'il organise des tournées d'inspection, de vaccination, toutes ces mesures, qui ne devraient avoir d'autre résultat que le bien du peuple, deviennent, grâce aux mandarins, autant de prétextes à exactions. "Voici, répètent-ils à leurs administrés, une excellente occasion d'obtenir la faveur des fonctionnaires Français. Prenez garde de ne pas montrer assez

d'empressement", et c'est alors une pluie de réquisitions et de contributions vexatoires. Aujourd'hui, il faut aller au-devant d'un fonctionnaire ou le raccompagner; demain, ce seront les formalités du début ou de la fin d'une enquête; après demain, ce sont les chefs de villages ou les chefs de cantons désireux d'offrir un cadeau à la valetaille du moindre fonctionnaire qui lèveront d'office de nouvelles taxes. Et les sapeurs s'amoncellent toujours.

Et voilà pourquoi, depuis déjà des années, toutes ces mesures, si bonnes en principe, loin d'être profitables au paysan, lui sont devenues un fardeau odieux et insupportable.

Le dernier des mandarins conserve toujours pour la moindre affaire, si insignifiante soit-elle, un papier authentique, ou non d'ailleurs, qu'il dit tenir du Protectorat. Pour lui, ce papier a plus de prix que le joyau le plus précieux, car il est pour lui à la fois un bouclier qui couvre sa responsabilité et une baguette magique qui fait tomber dans son escarcelle des piastres sonnantes.

Et ce n'est pas tout encore. Alléchées par la perspective de réaliser les mêmes profits, les petites autorités des villages et toute la bande des chefs de canton veulent aussi à tout pris tremper leur museau dans la graisse de la curée. Une fois possesseurs d'un petit magot acquis par d'aussi malhonnêtes moyens, ces individus n'ont de cesse qu'ils ne se soient rendus au chef lieu de leur province pour y acquérir une petite charge. Même s'ils ne peuvent ramasser que quelques miettes du festin, ils se contentent de ces reliefs qui suffisent pour quelque temps du moins à leur donner un poil lustré.

Ce que doivent être les souffrances du peuple sous un pareil régime, on le devine sans peine, mais ce peuple a encore tant de respect pour l'autorité qu'il n'ose porter plainte. S'il se trouve, de temps à autre, un notable ou un lettré au courant de tous ces abus, il se garde bien de les dénoncer, de crainte qu'on ne lui reproche de se mêler de

ce qui ne le regarde pas, et que son intervention jugée intempestive ne lui attire des ennuis ou des représailles.

Quant aux fonctionnaires annamites et aux chefs de provinces indigènes, ils ferment d'autant plus volontiers les yeux sur tous ces abus que ceux-ci sont pour eux une abondante source de profits illicites.

En pendant ce temps, les autorités françaises, sans rapports avec nous, sans intérêts communs qui les unissent à nous, ignorent tout de ce qui se passe. De là cet appauvrissement effroyablement rapide du peuple. Le poids des exactions écrase aussi bien riches que pauvres. Les routes sont couvertes de bandes d'affamés; ce ne sont partout que vols et brigandages, et les flots de haine montent comme une marée menaçante.

L'heure est très grave. Je sais bien qu'il se rencontre encore dans le pays un petit nombre de gens avisés qui se font, les avocats ardents des études modernes, réclament, en suppliant, l'abolition des vieux examens, essaient de former des associations commerciales, ont à cœur, en un mot, de rajeunir notre peuple et de le sauver de la ruine. Mais c'est précisément contre eux que s'acharne avec le plus de violence la haine des mandarins indigènes. Ils ont tellement peur de voir leur pouvoir compromis et leur influence amoindrie qu'ils n'hésitent point à accuser les novateurs de folie et de conspiration et que journellement - vous n'oserez pas me démentir - ils assiègent de leurs calomnies odieuses les oreilles de fonctionnaires français.

Vous avez beau dire que l'Annam est un pays barbare ou à demi-civilisé, il n'en subsiste pas moins que depuis plus d'un millier d'années, l'étude des lettres et des livres classiques, des "Odes" et de l'"Histoire" y est en honneur. Or, ces ouvrages proclament la gloire de ceux qui aiment et choient le peuple en même temps que la honte de ceux qui l'oppriment et la plupart de nos mandarins les ont lus. Comment se peut-il donc qu'ils aient transformé la carrière mandarins et en un vil bazar où l'on fait com-

merce de la sueur et du sang du peuple? Pourquoi traitent-ils de fous ceux qui déplorent notre décadence, ou de révoltés ceux qui voudraient travailler à notre relèvement matériel et moral? En définitive, n'est-ce pas à cause du fossé qu'on a creusé les mandarins entre Français et Annamites que ceux-ci en sont arrivés à ne plus distinguer le blanc du noir, le bien du mal, la crier tout haut leur misère en songeant aux résolutions désespérées?

En vous signalant ces trois principales causes de décadence, j'en ai fait chaque fois que les effleurer. Avec tout leur talent, les meilleurs orateurs ou les meilleurs artistes européens seraient impuissants eux-mêmes à décrire jusque dans tous les détails les habiletés et les bassesses des courtisans du pouvoir, la cruauté des fonctionnaires vis-à-vis de leurs subalternes ou simplement la misère l'abandon où se meurt le peuple. Et tout cela parce que le Protectorat laisse trop de liberté aux autorités indigènes et traite avec mépris notre race.

En ce qui concerne leur politique indigène, le plus grand reproche que l'on puisse adresser aux Français, c'est d'avoir négligé d'enseigner au peuple les moyens pratiques de s'enrichir et de n'avoir songé qu'à multiplier les impôts et les taxes; car si la misère du peuple est due en grande partie aux autorités indigènes, il ne faut pas oublier que l'excès et la mauvaise répartition des impôts en sont une des principales causes.

Bien que, de tout temps, l'Annam est été un pays agricole, jamais on ne s'y est spécialement occupé d'élevage du bétail ou de sériciculture. A plus forte raison a-t-on négligé le commerce et l'industrie. La routine n'a pas cessé d'être la règle à tous les degrés de l'échelle sociale. On n'avait pas d'autre idéal que la paix et l'oisiveté. Jamais nos rois n'ont songé à une politique de progrès; et le reste de la nation ne se préoccupait que de se reposer ou de se divertir.

Aussi le commerce était-il arrêté dans son essor et les moyens l'acquérir des richesses très strictement limités,

de sorte qu'on ne pouvait jamais lever que des impôts fort légers. Dès qu'une calamité frappait une province, on lui remettait une partie de ses contributions ou même on lui prêtait de l'argent. Le peuple avait pris l'habitude de vivre au jour le jour et d'attendre la becquée qu'on lui donnait. Aujourd'hui encore, combien de troupes de mendiants et de vagabonds parcourent le pays! Et dire que c'est une politique aussi misérable, une telle inintelligence et une telle fainéantise chez le peuple, qui ont caractérisé pendant des siècles la vie de notre nation.

Depuis l'établissement du protectorat, l'amélioration des moyens de transport, la construction de forts et de camps retranchés, l'entretien d'une armée de nouveaux fonctionnaires, tout cela a demandé des sommes énormes qui augmentent tous les jours dans des proportions inquiétantes. Cependant, si l'on excepte les recettes des douanes nouvellement établies, les revenus de l'impôt ne se sont nullement accrus. Et c'est là ce qui est grave.

Peut-être serait-il possible d'obtenir la collaboration de deux ou trois hauts fonctionnaires annamites intelligents et honnêtes auxquels on adjoindrait quelques centaines de subordonnés compétents et habiles. Il suffirait de leur montrer le chemin à suivre, et leur faire une place dans les Conseils avec voix consultative. Je suis sûr qu'ils vous aideraient à trouver le remède, et, en particulier, à enseigner au peuple le moyen de s'enrichir lui-même, ce qui légitimerait davantage vos impôts.

Actuellement, par suite de l'incapacité des autorités indigènes et du manque de confiance du peuple, les impôts sont injustement répartis. Quelle que soit leur importance, champs et villages supportent le même poids, toujours croissant, de taxes et d'impôts. Le Protectorat, convaincu que cette politique convient au pays l'applique avec toute son énergie, et comme leur avancement est au prix de la stricte application de cette politique, les mandarins ne se font point répéter les ordres et, sans

hésitation, pressurent le peuple jusqu'à la moelle, et jusqu'au sang.

A ne regarder que les sommes ainsi obtenues, le résultat semble assez brillant: mais, en vérité, si vous voulez pêcher dans un étang et y prendre longtemps du poisson, commenserez-vous par le mettre à sec? Certes, un des calculateurs habiles du service financier pourra aisément déterminer le chiffre des exportations d'une province, évaluer la somme des divers besoins matériels de ses habitants et en déduire la cote qui revient en moyenne à chacun. Mais ces estimations de la situation économique du pays seront toujours approximatives, car jamais il ne pourra faire le compte ni des sommes formidables englouties par les exactions des mandarins, ni du gaspillage de la main - d'oeuvre corvéable, ni des dommages causés par les calamités naturelles, ni ce que nous coûtent le vagabondage d'une partie de la population et les vols trop fréquents. Voilà cependant les véritables maux dont le fardeau écrase de plus en plus notre pays.

Considérons un instant, par exemple, les abus auxquels donne lieu la corvée. Vous savez que chaque inscrit doit, outre la capitation, quatorze jours de corvée qui sont tous rachetables. Cet impôt ne devrait donc pas, en principe, peser bien lourdement sur le peuple. En fait, vous n'imaginez pas quel cortège de troubles et de misères l'accompagne dans les villages. Par leurs allées et venues continuelles, tout le long de l'année, les corvéables sont une cause permanente du désordre. De plus, les mandarins ne se font pas faute, à cette occasion, de multiplier leurs concussions. Tantôt ils réquisitionnent un homme qui a déjà acquitté sa corvée; tantôt, moyennant finances, ils en exemptent un autre. C'est continuellement le régime du bon plaisir.

Alors que les mandarins devraient donner au peuple le salaire de son travail, c'est le peuple, au contraire, qui est contraint d'acheter aux mandarins l'honneur de travailler pour eux!

Etonnez-vous, après cela, de voir s'accumuler les ruines et les faillites!

D'autre part si vous tenez compte de tout ce que gaspille la tourbe des satellites, chefs de canton et de villages, vous verrez que c'est à peine si le dixième des sommes versées par le peuple épuisé pour le rachat des corvées parvient à sa vraie destination. Songez à tout cela, si vous voulez comprendre la désorganisation progressive de nos villages.

Ainsi donc, à l'heure actuelle, le peuple annamite, semblable à un troupeau de bêtes trop pesamment chargées, à la merci du premier mandarin venu, assommé de vexations, n'a plus la force de se plaindre. Il se traîne vers la mort, inconscient, presque sans regret. Placé entre la peur du fonctionnaire français et le bon plaisir avec lequel le traitent les autorités indigènes, il se résigne à tout supporter: au besoin d'ailleurs, on lui inspire cette résignation à coup de bambou et de fouet. Aussi je crains fort que le jour où la pauvreté sera le lot de tous et où la misère actuelle se sera encore accrue, le peuple n'ait plus qu'à choisir entre deux moyens d'existence; la mendicité pour les pusillanimes, et le brigandage pour les gens de coeur.

J'ai peur aussi de voir dans quelques années nos villages se vider, et le linceul de la mort tomber sur nous. Ceux qui ne mourront pas de faim dans leur maison, mourront vagabonds sur la route ou dans les cachots des mandarins. Les champs ne seront plus labourés; faute de corvéables les corvées ne seront plus exécutées et les impôts ne rentreront plus, par suite de la disparition des contribuables.

Que gagnerez-vous d'ailleurs à laisser les autorités indigènes ronger jusqu'à la moelle, comme une vermine, ce peuple qu'elles réduisent peu à peu à l'état des Peaux Rouges d'Amérique? Rappelez-vous que c'est pour avoir répandu la fleur rouge de la liberté par toute la terre que Napoléon Ier de France, envoyé de Dieu, vivra

éternellement dans la mémoire des nations; d' autre part, n'est - ce point dans votre France. comme je me le suis laissé dire, que les femmes et les enfants du peuple se plaisent à répéter le précepte: "Aimez-vous les uns les autres, faites du bien à vos ennemis"? Or, voici maintenant qu' un des plus vieux pays d' Asie est frappé d' une misère et d' une décadence sans précédent, du jour où vous y avez planté votre drapeau. Cela ne vous inquiète - t - il pas quelque peu et votre amour - propre n' en est - il pas blessé? A mon avis, vous devriez avant tout vous préoccuper de porter remède à cette situation, en travaillant à notre relèvement. Il y va de l' honneur de votre nation.

Les abus du mandarinat indigène. le fardeau des impôts. la misère du peuple ont dépassé toute mesure et les autorités françaises - elles - mêmes semblent le reconnaître. mais un peu trop tard. On a fait grand bruit récemment autour d' un programme nouveau d' administration coloniale indigène. On a parlé de suivre une politique d' association et de conquérir l' affection du peuple annamite. Je me suis fait lire dans les journaux français locaux le discours qu' a prononcé le Gouverneur général au Conseil de perfectionnement de l' enseignement indigène. Il s' y est assigné comme double tâche immédiate à la fois de traiter plus libéralement les Annamites et de développer leur instruction. Il a parlé aussi de la modification du Code pénal, de la suppression des vieux examens littéraires, de la multiplication des écoles et de bien d' autres réformes aussi urgentes qu' opportunes. Mais j' ai été étonné de ne trouver dans ce discours aucune allusion aux abus criants commis par les autorités indigènes, surtout à propos de la perception de l' impôt et de l' exécution des corvées.

Le rédacteur en chef du Courrier d' Haiphong, un Français, a écrit un grand nombre d' articles sur des questions Indochinoises. Il y a signalé avec autant de justesse qu' de clairvoyance les abus qu' entraînent le régime fiscal et le système des corvées. Mais quelle n' a pas été ma

stupéfaction de le voir soutenir cette thèse que l' administration de l' Anman n' est possible que si l' on rétablit partout l' autorité des mandarins! Quelle aberration! Comme s' il n' était pas évident déjà que les mandarins abusent du pouvoir que leur laisse l' autorité française pour opprimer le peuple et rendre odieux le nom de la France dont ils se parent!

Il est donc tout - à - fait inutile d' espérer notre relèvement si vous ne supprimez pas tout d' abord ces abus, si vous ne donnez pas au peuple une meilleure administration en triant soigneusement les mandarins.

Actuellement. je vous le répète, le peuple annamite est acculé à la limite de la misère. parce que les fonctionnaires. qui devraient avoir le souci de ses intérêts. sont incapables. d' autre chose que de transmettre des ordres ou de flatter leurs supérieurs. Et vous voudriez encore augmenter le pouvoir de ces hommes en leur confiant le soin de réaliser les réformes dont nous attendons le salut! Ne savez-vous donc pas que ces réformes, ils ne se décideront jamais à les appliquer, sinon pour en battre monnaie?

Les jolis tableaux ne s' accrochent point à des murs décrépits, et ce n' est pas davantage sur une table mal propre qu' on étale les bijoux précieux. Si c' est en maintenant l' état de choses actuel que vous songez à traiter libéralement des Annamites, à développer leur instruction, vous risquez qu' on vous reproche de les traiter comme les enfants dont on apaise les pleurs avec un jouet, ou comme des affamés auxquels on offrirait à manger un lingot d' or.

J' en arrive à croire que la politique du Protectorat est basée sur la crainte que le peuple annamite ne nourrisse de noirs desseins et ne songe à se révolter. C' est pourquoi l' on se sert des mandarins pour les surveiller très étroitement, et l' on a recours. pour le comprimer, aux lois les plus dures du code indigène.

Mais tout cela est bien inutile ou plutôt n' aboutit qu' à

augmenter les pires abus des autorités indigènes et à retarder le progrès de notre pays. En effet, si l'on peut croire tout naturellement qu'un peuple européen a l'amour de l'indépendance et se révolte quand il est esclave, il est ridicule de prêter de tels sentiments à des Annamites. Autant vaudrait supposer à un paralytique la force de sauter un mur pour piller une maison, ou à un enfant de trois ans, celle d'être incendiaire ou meurtrier!

Depuis fort longtemps, le niveau de l'instruction reste peu élevé chez les Annamites. Ils ont le sentiment de leur dignité aussi peu développé que leur intelligence. Ils ne peuvent vivre ensemble sans se traiter en ennemis. Les membres d'une même famille se déchirent les uns les autres et l'on trouve même des frères divisés par les haines mortelles. Eût-elle le ferme dessein de se révolter la nation manquerait donc de point d'appui, d'armes et de finance.

Admettons un instant que le Protectorat accorde à une partie de la nation l'administration directe de telle ou telle province et qu'il lui fournisse, à cet effet, des fusils et des canons. Presque aussitôt, les luttes intestines reprendraient de plus belle, les coups de feu se multiplieraient, le brigandage deviendrait général, et l'on arriverait, bien vite à l'extinction totale de la race, tant il est vrai que nous sommes incapables de garder notre indépendance à nous seuls dans le monde moderne, et à plus forte raison encore, de nous mesurer avec une autre nation.

Il est donc bien établi qu'actuellement le peuple annamite n'est capable d'aucun mouvement sérieux de révolte et que, par suite, il n'y a pas lieu de s'en préoccuper pour l'instant. Certes, je ne vais pas jusqu'à dire que l'Annamite d'aujourd'hui aime le Protectorat de tout son cœur et qu'il mourrait volontiers pour lui, car les exactions des autorités indigènes, qui depuis si longtemps l'oppriment, n'ont fait qu'accroître son mécontentement. Ecrasé par des impôts toujours plus lourds, victimes

d'inondations, de sécheresses et de famines trop fréquentes, acculé à la misère, il commence à murmurer tout haut. Le malaise est général dans tout le pays et il s'en faut de peu que l'opposition ouverte ne commence contre les autorités.

Il est à peu près certain que si, en cas de guerre de la France avec une puissance étrangère, la fortune ne se prononçait par tout de suite en votre faveur, la masse du peuple en profiterait pour susciter des troubles. L'écume de la population monterait à la surface. Ce serait le pillage organisé. Ceux qui se sentiraient les plus forts ne craindraient pas d'aller jusqu'à l'assassinat pour assouvir leurs haines privées.

Quant aux autorités indigènes et aux classes supérieures de la population, elles n'attendraient que le moment où le sort des armes serait décidé pour prendre parti. Et si vous étiez battus, vous les verriez lutter de vitesse pour ramper devant le vainqueur. Que leur importerait de rester esclaves? Un simple changement de maître suffirait à leur bonheur.

Voilà le fond de l'âme annamite à l'heure actuelle. C'est pourquoi, si les Annamites étaient appelés un jour à s'acquitter de leur dette la plus sacrée, je veux dire à prendre les armes pour la défense de leurs protecteurs et de leur pays contre un ennemi du dehors, les défections; je le crains fort, seraient nombreuses.

Cependant, je le répète, ce sentiment a sa source unique dans les trop grandes souffrances du peuple et dans la politique trop oppressive des autorités indigènes. C'est, cela seulement qui pousse la nation vers les résolutions désespérées; mais ne croyez pas qu'elle se jetterait tout entière et le cœur léger dans une aventure périlleuse. Je suis persuadé, au contraire, que si le Protectorat voulait sincèrement orienter dans une autre direction sa politique indigène, s'il se décidait à choisir parmi nous des hommes compétents; auxquels il donnerait une parcelle de pouvoir et surtout du prestige, qui investirait de sa con-

fiance, en les admettant dans ses conseils avec voix consultative pour aviser avec eux aux moyens de supprimer les abus actuels et de relever, en particulier, la condition misérable du pays, s'il voulait reconnaître à nos notables et à nos lettrés, le droit d'exprimer tout haut leur opinion, s'il multiplierait la publication des journaux indigènes pour éclairer le peuple, s'il codifierait notre législation pour mettre fin à l'arbitraire des mandarins, s'il se décidait à abolir les examens surannés, à établir partout des écoles et des bibliothèques, à augmenter le nombre des instituteurs et des professeurs, à ouvrir aux Annamites l'enseignement du commerce, de l'industrie et des sciences exactes, à régulariser la perception de l'impôt: si, en un mot, le Protectorat voulait graduellement travailler à notre relèvement et à nous assurer les bienfaits de la paix, cette sollicitude trouverait un écho joyeux dans l'affection du peuple, et désormais la seule crainte des Annamites serait de voir la France abandonner l'Annam à ses propres moyens. Malheureusement, la décadence actuelle de ce pays et l'ignorance de ce peuple sont sans exemple dans le reste de l'Europe ou de l'Asie.

Nous avons l'habitude, ici-bas, de considérer comme un père celui qui nous protège, comme une mère celle qui nous entoure de tendres soins et nous donnons toute notre confiance à celui qui nous enseigne et nous élève et qui, par cela même, nous permet de prolonger notre vie sur cette terre, où la lutte pour l'existence met les hommes aux prises les uns avec les autres. Or, nous ne manquons pas de voisins, à l'Est, à l'Ouest, au Sud ou au Nord, sur lesquels nous pourrions au besoin nous appuyer; mais quand on choisit un appui, n'est-il point de la plus élémentaire prudence d'examiner quels profits matériels ou moraux (ou inversement quelle honte) il nous apportera?

Quelque séculaire que puisse être sa stupidité, l'Annamite ne consentira pas volontiers, croyez-le bien, à

couvrir de tels risques: il n'exposera pas à la légère ce sang qui a pourtant subi tant de mélanges et de souillures, ni ce corps qui a résisté aux mouches, aux renards et aux loups de tant de champs de bataille, pour changer simplement de maître ou pour obtenir une indépendance qu'il n'a jamais connue. Mais il dépendra uniquement de la politique future qu'adoptera le Protectorat de l'empêcher de recourir aux résolutions désespérées.

C'est le cœur rempli d'angoisse et parce que je n'ai personne à qui je puisse parler librement, que je me suis décidé à prendre le pinceau pour vous exposer très franchement mon sentiment. Si le gouvernement français a réellement à cœur de traiter plus libéralement les Annamites, il ne pourra qu'approuver mon initiative et adopter mes conseils. Il m'invitera à venir moi-même devant ses représentants pour m'expliquer à l'aise. Et ce jour-là, je lui ouvrirai tout mon cœur. Je lui montrerai ce dont nous souffrons et ce qui nous manque. Et je me plais à espérer que ce sera alors le réveil, la résurrection de notre nation. Ce sera le bonheur de notre pays et ma plus ardente ambition. Mais si, au contraire, vous continuez à n'avoir d'autre politique que de laisser opprimer notre race et si, malgré tout, les Annamites s'y résignent sans révolte ni haine, alors je vous demande de m'accuser de calomnies et de mensonges, de me placer entre la cargue, les chaînes et le chaudron d'huile bouillante, et de me montrer en cet état à tous les hommes intelligents du pays d'Annam afin que mon exemple les incite désormais au silence et leur fasse voir le danger d'imiter ma témérité et mon imposture.

Ce sera la pire des calamités pour mon pays, mais je ne protesterai plus; et sans murmure, je subirai la condamnation qu'il plaira à l'autorité française de m'infliger.

15e jour de la 9e lune de la 18e année
de Thành - Thai
PHAN - CHÂU - TRINH

**THƯ CỦA ÔNG PHAN CHU TRINH
GỬI TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG
NĂM 1906, NGUYỄN VĂN CHỮ HÂN,
ÔNG ĐẶNG THÁI MAI DỊCH RA QUỐC
NGŨ IN TRONG TUẦN BÁO "TÂN DÂN"
SỐ ĐẶC BIỆT KỶ NIỆM PHAN TÂY HỒ
NGÀY 24-3-1949 TẠI HÀ NỘI**

**THƯ PHAN CHU TRINH
GỬI TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG**

Phan Chu Trinh, thụ trước tác⁽¹⁾ hậu bổ, tỏ bày cái tình trạng ở nước Việt Nam:

Trộm xét từ khi Pháp sang bảo hộ nước Nam đến nay, những việc bắc cầu, đắp đê, sửa sang đường sá, xe lửa, tàu thủy, chạy khắp mọi nơi, cùng là lập ra sở bưu chính để thông báo tin tức, đều có lợi ích cho nước Nam, người ta ai cũng thấy cả. Nhưng có nhiều việc không thể nhìn đi mà không nói, là các mối tệ hại ở trong quan trường, các sự tật khổ ở chốn dân gian, những sự hư hỏng về nền phong hóa, cùng là những cái có quan hệ đến số mệnh nước Nam thì Chính phủ đều gác để một bên, mặc kệ cho hư nát mà không thêm hỏi đến. Trong khoảng vài mươi năm nay, các bậc đại thần ăn dăm năm đĩa ở chốn triều đình, chỉ biết chiếu lệ cho xong việc; quan lại ở các tỉnh, thì chỉ lo cho vững thân thế mà hà hiếp bóp nặn ở chốn hương thôn, dám si phu thi ganh đua nhau vào con đường luồn cúi hót nịnh, không biết liêm sỉ là gì! bọn cùng dân bị nặn bóp mãi mà máu mù một ngày một khô, không còn đường sinh kế nữa. Đến bây giờ thì sự thế hư hỏng, nhân dân lia tan, phong tục suy đồi, lễ nghĩa bại hoại, một khu đất hơn 4.000.000 thước vuông⁽¹⁾, một dân tộc hơn 20.000.000 người lại sắp sửa ở cái địa vị bán khai mà quay về cái địa vị dã man. Những người có tri thức thấy cái thảm trạng như thế, lo đến nỗi giống tiêu diệt, cũng muốn rung chuông gõ mõ đánh thức nhau dậy, để lo phương cứu vớt lấy nhau, nhưng mà kẻ mạnh bạo thì trốn tránh ra ngoài nước, chỉ

(1) Trước tác: một bậc trong ngạch quan lại triều đình Huế hồi đó. Phần nhiều các người lâu dài khoa được bắt đầu bổ dụng thường được xếp vào hàm này. (Các chú thích trong thư này đều của Đặng Thái Mai)

kêu gào than khóc mà không dám về; kẻ nhút nhát thì chịu vùi đầu ở chỗ hương thôn, đành già dui già điếc mà không dám bàn nói đến. Chưa từng có người nào dám đến trước cửa quan Bảo hộ phơi gan giở máu, kể rõ cái thù đoạn tàn ngược của quan trường, cũng là cái tình trạng thảm khốc của cùng dân, khiến cho cái tội ác của quan lại và cái khổ cảnh của quốc dân trong mấy mươi năm nay, lọt vào trong tai các quan Bảo hộ. Đến nỗi nước Nam bây giờ gần thành như một người ốm nặng gần chết, khó có thuốc mà cứu chữa được nữa, đó thật là tội tại sĩ phu nước Nam, mà gây nên tội ấy thì cũng bởi hiểu lầm rằng Chính phủ Bảo hộ dùng chính sách ngược đãi người Nam làm cái chính sách hay nhất, tốt nhất.

Tôi cáo quan đã mấy năm nay, đi khắp trong Nam ngoài Bắc, tình trạng nhân dân khốn khổ, quan lại tham tàn, đều được mắt thấy tai nghe, và cứ luận ở dân gian về cái cách Chính phủ đối đãi người Nam và người Nam đối đãi Chính phủ, cũng đều để tai nghe mà ghi vào dạ cả. Tôi không dám nhút nhát, xin cứ thực bày tỏ ra sau này, các quan Bảo hộ nghe thấy, chắc cũng xót ruột đau lòng, cho làm phải mà không nỡ cự tuyệt.

Hiện nay người Nam trừ những người ở trong quan trường không kể, còn ra thì không luận người khôn người ngu, trăm miệng một lời, đều nói rằng Chính phủ ngược đãi người Việt Nam, rằng Chính phủ không lấy loài người đãi người Việt Nam. Thấy quan lại nước Nam không săn sóc tới việc dân mà tàn ngược với dân thì lại đều nói rằng đó là Chính phủ cố ý dung túng khiến cho cán nước lẫn nhau cho nòi giống mòn mỏi, đó tức là cái kế thực dân của Chính phủ. Trong mấy năm nay, suốt cả trong Nam ngoài Bắc, khắp thành thị cho đến hương thôn, ý tưởng của nhân dân đều như thế cả. Lại xét biết trí mình không đủ sống được, sức mình không chống lại được, thì lại nghiêng cổ giương mắt trông mong các nước mạnh ở đâu đâu họa may họ đến cứu mình chăng. Chao ôi! một dân tộc đến 20 triệu

(1) Con số này không chính xác, có lẽ là 400.000 dặm vuông.

người, kẻ có học thức cũng đến vài mươi vạn, mà tới tâm mù mịt, mềm yếu uơ hèn, không đủ sức bênh vực được nhau, để liệu cách sinh tồn, lại ù ù cạc cạc, không biết rằng mình ở vào cái thế giới cường quyền thịnh hành, "hơn được kêm thua" này, mà còn có cái mơ tưởng hảo huyền như thế, dân trí thực cũng đáng thương vậy! Nhưng đã bao nhiêu năm nay người Nam ở dưới bóng cờ nước Bảo hộ, mà đến bây giờ nòi giống ngày một yếu hèn, không còn có kể gì cứu vớt lấy nhau, đến nỗi nóng nảy điên khùng, theo cái kế sách đề mật, chỉ trông mong vào nước khác, thế thì vì ai mà nên nổi thế? Tuồng các quan Bảo hộ cũng nên suy xét kỹ càng vậy.

*

* *

Cái nguyên nhân sinh ra cái tệ ấy có ba điều:

Một là chính phủ Bảo hộ dung túng quan lại Việt Nam thành ra cái tệ "cô tức"⁽¹⁾. Xưa này chính phủ Bảo hộ đối với nước ở dưới quyền thống trị của mình, thường thường chỉ đặt một vài vị quan to cùng với chính phủ bản xứ cầm cái đại cương về việc chính trị, còn các quan lại ở các địa phương, thì tuy có đặt quan Bảo hộ, nhưng cũng phải dùng người bản xứ để coi việc và trị dân. Việc làm giỏi hay không, dân yên hay không, thì cốt nhờ về cái tài năng của dân bản xứ thế nào. Nước Nam độ bốn mươi năm nay, vận nước một ngày một suy, suốt từ trên đến dưới, chỉ biết chuyện luôi biếng vui chơi. Pháp luật, chế độ không còn có cái gì ra trò, nhân tài cũng tiêu diệt đi mất cả. Người trên thì làm lâu được thăng trật, chẳng qua như sống lâu lên lão làng, người dưới thì đem của mua quan, thật là tiền bạc phá lệ luật. Người này làm, người kia bắt chước, lâu rồi thành ra thói quen. Những người đó đạt muốn cầu bố bản thì hót nịnh luồn cúi ở các nhà quyền quý; những người ở nhà thì ý thần, cậy thế, hà hiếp bóp nặn ở trong làng, ngoài

(1) Cô tức: đề dặt, rụt rè không dám bày tỏ, không muốn đối phó quyết liệt với tình thế.

việc trai gái, ăn uống thì không còn biết việc gì. Những người làm ăn phát đạt, lắm bạc nhiều tiền, thì chỉ tìm cách ăn chơi cho sung sướng. Suốt cả thành thị cho đến hương thôn, đứa gian giàu thì như ma, như quỷ, lừa gạt bóc lột, cái gì mà chẳng dám làm; đứa hèn yếu thì như lợn, như bò, giẫm cổ, đè đầu, cũng không dám ho he một tiếng. Cả mấy mươi triệu người, như một đàn ruồi, lũ kiến, không còn có chút nhân cách nào, đó là thảm trạng trước mắt, ai cũng trông thấy, không phải tôi dám nói quá lời, để vu cho người cả một nước đâu.

Nay cứ xem cái nhân cách của người Nam tồi mạt như thế, không kể là quan là dân, hay là hạng người nào, thì tất phải lập ra hình phạt, phòng giữ cho nghiêm, dùng pháp luật mà ràng buộc, rồi sau mới dắt diu nhau lên con đường tiến hóa, thì cuộc trị an mới mong duy trì được lâu. Chính phủ Bảo hộ ở nước Nam đã lâu, không phải là không biết rõ như thế, lại hiểu rằng: tục nước Nam không thể đổi ngay được, người nước Nam không thể dùng làm gì được, chỉ phải cầm lấy quyền lớn trong nước mà cứ để chính phủ Nam triều, cứ dùng quan lại nước Nam, để lấy người sai khiến, làm việc sưu thuế. Còn việc nước Nam, dân nước Nam thì không cần hỏi đến; trong ý cũng nói ta dùng người Việt Nam để trị nước Việt Nam mà thôi. Cũng có đôi khi thay đổi một vài ông đại thần, hoặc là thăng giáng một vài viên quan lại, cái người bị đuổi đi đã đành không làm được việc, mà cái người thay chân ấy cũng có phải là người làm được việc đâu, cái người bị cách vẫn là gian tham, mà cái người được bổ cũng không phải là người liêm khiết! Phương chi hôm nay bị giáng, bị cách, ngày mai lại được thăng, được thưởng: ở nơi này "can khoản"⁽¹⁾ thì lại đổi đi nơi kia, thì tuy có phạm tội tham, mang tiếng xấu, cũng có hại gì đâu! Quan lại nước Nam thấy chính phủ có ý dung túng như thế, cho là việc thường, lâu rồi quen đi, đứa can đờ lại càng can đờ, chỉ lo đem tiền đi mua quan, đứa biếng

(1) Can khoản: cách nói tắt nơi quản trưởng, có nghĩa là: can cứu về một khoản hình sự nào đó.

lười lại càng biếng lười, chỉ biết khoả miêng cho yên việc. Áo mũ thùng thình, ngựa xe rộn rịp, hỏi quan chức thì ông này là đại thần trong triều, ông kia là đại lại các tỉnh, chỉ biết có một việc là ngày đi hội thương⁽²⁾ hay ra công đường xử kiện, còn hỏi đến việc lợi bệnh⁽³⁾ trong nước, hay là trong một tỉnh, thì mơ màng chẳng hiểu một chút gì; ông này là quan phủ ở phủ này, ông kia là quan huyện ở huyện kia: chỉ biết việc bắt phu, thu thuế cũng là đi đón đi tiễn các quý quan, còn hỏi đến việc nên làm, nên bỏ ở trong phủ, trong huyện, cũng mơ màng mà chẳng hiểu chút nào cả. Còn đến việc dút lót người trên, sách nhiễu kẻ dưới, thì không cứ là quan to, quan nhỏ, đều công nhiên cho là cái quyền lợi của người làm quan đáng được, đều có ai bàn nói đến cũng không kể vào đâu.

Than ôi! Nước Nam nhân cách tui rằng tồi mạt, dân trí tui rằng lú lẫm, nhưng nếu vài trăm năm nay cứ đời bại mãi như thế, thì nói giống tất phải tan nát: những bao giờ rồi, có thể nào độc lập được hơn nghìn năm, nghiêm nhiên là một nước lớn ở phương nam, số người vẫn cứ sinh sôi: nảy nở ngày thêm nhiều ra, đến bây giờ thành ra một dân tộc lớn trên thế giới. Thuộc địa của Pháp, khắp cả năm châu, phỏng khiến cách cai trị thuộc địa nơi nào cũng như thế cả, thì còn ai vui lòng yêu mến nữa?

Than ôi! Pháp luật của nước Nam tuy rằng không công bằng, nhưng mà thuộc về cái mặt ngăn cấm quan lại thì thật nên dùng để trị quan lại đời này. Bây giờ chính phủ lại chỉ dùng cái hình luật rất thâm khắc ác độc để trói buộc bọn dân ngu, mà đối với quan lại thì pháp luật rất là sơ sài, đến nỗi như để nước vô chân, tung tóe ra mà không thể nào ngăn cản được nữa, thế thì lỗi tại chính phủ dung túng quan lại mà thành ra cái tệ ấy đó.

Hai là chính phủ khinh rẻ sĩ dân Việt nam thành ra cái tệ xa cách. Người Pháp ở nước Nam đã lâu, thấy người Nam quan lại thì gian tham, kẻ sĩ dân thì ngu xuẩn, phong tục thì đời bại, ghét rằng người Nam không có phong cách

(2) Hội thương: họp mặt với các quan Tây để thượng nghị công việc (thật ra là để nghe mệnh lệnh và huấn thị)

(3) Lợi bệnh: lợi hại.

quốc dân, cho nên phàm những bài đăng trên các tờ báo, cho đến những khi bàn bạc chuyện trò đều tỏ ý ghét người Nam, khinh người Nam, cho là người Mọi, ví với lợn bò, không muốn dúi đất lên cho ngang với mình, mà lại sợ đến gần mình làm cho nhóp bảnh nữa. Vài mươi năm nay, không cứ hạng người nào, không cứ có tội hay không có tội, nếu xúc nộ⁽¹⁾ quan Tây, thì đều bị kỳ nhục⁽²⁾. Những người nghèo đi làm thuê, những dân phu đi làm việc quan, bị người Tây đánh đau hay là đập chết, cũng thường thấy luôn. Những việc ấy đồn thổi đi khắp trong Nam ngoài Bắc, ai nghe cũng phải kinh hãi tức giận, cho là người Tây đãi mình như chim muông, coi mình như gỗ đá, nhưng chỉ căm tức mà không dám nói ra. Những người nhà quê ngu khờ, sợ uy khiếp thế, xem người Tây như sấm như sét, chỉ lo tránh cho xa; những kẻ sĩ phu hơi có liêm sỉ, thì đều sợ cái đường làm quan mà không dám bạ men đến. Chỉ có những người ham lợi lộc hay là cấp bách về việc ấm no trong nhà, cục chẳng đã phải đâm đầu vào trường nô lệ. Khi đêm hôm thanh vắng một mình, nghĩ đến những cách người Tây khinh rẻ đãi mình, cũng biết tức giận, biết xấu xa, mà mình lại phân vân với mình, chỉ vì mình ở trong vòng, không làm thế nào được, cũng phải im hơi lặng tiếng cho xong việc đi, chứ có phải bọn ấy toàn là đồ vô si, vui thích những sự ô nhục thế đâu. Hiện bây giờ, quan lại nước Nam, không cứ quan lớn quan nhỏ, khi tiếp kiến quan Tây đều là run sợ rụt rè, chỉ sợ thua thốt sai lầm làm cho quan Tây nổi giận. Ở các chốn hương thôn, những kẻ thân sĩ, khi đi ở ngoài đường ngẫu nhiên gặp người Tây, không cứ là Tây quan, Tây lính hay là Tây buôn, thì phải cúi đầu cụp tai rào bước mà đi cho mau, chỉ sợ tránh không xa mà bị nhục.

Nay hai nước ở cùng một xứ, mà tình ý xa cách nhau như thế, cho nên những người cầu làm quan thì ngày càng đến trực trước của các quan Bảo hộ, mà những người có kiến thức ở trong nước thì không ai dám đến trước sân,

(1) Xúc nộ: xúc phạm

(2) Bị kỳ nhục: bị xúc phạm, nhục nhã.

những người kiện cáo thì đôi khi được thấy mặt quan công sứ, mà cái tiếng sầu khổ ở chốn nhân gian thì không bao giờ được lọt vào tai quan công sứ.

Than ôi! Lấy cái tội gian tham vô si mà buộc cho người Việt Nam thì thật không chối cãi được. Nhưng mà cả một dân tộc đến 20 triệu người há lại không có một vài người có thể bàn nói đến việc lợi bệnh có ích lợi cho nhà nước, mà chính phủ Bảo hộ nhất thiết khinh rẻ đi, tôi sợ rằng ở với nhau càng lâu lại càng xa nhau, khó lòng mà mong hai bên tình ý đều thông với nhau được. Mới đây *Đại Việt tân báo* có nói rằng số người Việt Nam ở Nhật Bản hiện nay có chừng hai mươi người. Trong số chừng hai mươi người ấy há lại không có một vài người hơi biết cái hiện trạng cùng khốn của nước Việt nam bây giờ ư? Và từ chỗ những người ấy mà đi đến dinh quan Bảo hộ tỉnh mình, xa thì độ một ngày, gần thì độ vài ba giờ, thế mà dân nước Nam xưa kia chưa từng bước chân ra khỏi cửa, nay thì chịu bỏ mồ mã, lia vợ con, vượt bể ra khơi, mà mò đến một nước mấy nghìn năm nay không biết bao giờ, kêu gào khóc lóc, để thổ lộ cái khí uất ức bất bình, chứ quyết không chịu đến cửa quan Bảo hộ mà bày tỏ những sự đau đớn ở trong lòng, thế là tại chính phủ Bảo hộ khinh rẻ người Việt Nam, thành ra cái tệ xa cách mà sinh ra thế.

Ba là tại các quan lại Việt Nam nhân cái tệ xa cách ấy mà thành ra cái tệ hà hiếp dân. Chính phủ Bảo hộ vì người Việt Nam tình ý không thông, mà quan lại làm cần làm bậy trên kia đã kể qua rồi. Nhưng phòng khiến không có người đứng giữa ngăn cản hai bên, ngộ có một ngày kia các quan Bảo hộ vì ở lâu mà hiểu rõ được tình ý người Việt Nam, hoặc là người trong nước không chịu nổi, mà phải bày tỏ các mối tệ của quan lại ra, người Pháp người Nam thông hiểu được nhau, thì quan lại còn thò ngón giữa vào đầu được nữa. Quan lại có muốn như thế đâu, tất phải tìm cách để xa lia ra. Họ biết rằng sưu thuế thu nạp cho thanh thỏa là điều chính phủ thích, gàn trở việc quan, hay là hợ dang mưu toan bạo động, là điều chính phủ ghét. Cái điều chính phủ thích thì họ hết lòng hết sức làm cho được việc.

Tuy lột da dân, hút máu dân, chẻ xương dân cũng không cần. Các quan tỉnh, quan phủ, quan huyện ý quyền thế để dọa nạt dân ngu và dè nén sĩ phu, lại sợ sĩ dân hoặc có tức giận mà chống lại chăng, họ lại nhân điều chính phủ ghét mà vu oan, hoặc là nói rằng họp tập thân sĩ, sợ có ý thức gì khác chăng... Mấy câu mơ hồ, không có chứng cứ gì cả. Chính phủ không hiểu cái mưu gian của họ, lại cứ tin họ, vì thế mà có người phải lụy đến thân gia, mắc vào tù tội.

Cũng có khi chính phủ biết là bọn quan lại nói dối, nhưng lại cho là họ làm được việc quan, rồi cũng làm thịnh mà không trị tội. Bởi thế dân tình càng cách, sĩ khí càng suy, quan quyền càng thịnh. Các quan phủ huyện chen thẳng dân nào béo thì ăn, tù việc kiện cáo, việc trộm cướp, việc án mạng, cho đến các việc vặt khác, việc gì cũng bóp nặn lấy tiền: còn như là chính phủ súc hỏi trong hạt mình có bao nhiêu trường học, dân lính giống tằm về nuôi, cùnh là nhà làm ruộng mang thóc đi đấu xào, số đình, số điền bao nhiêu, cùnh là quan Tây đi khám, thầy thuốc đi trồng đậu, và những việc vận tải đồ đạc. Chính phủ thì cho là việc thường, không có gì nhiều dân cho lắm, mà quan lại thì cứ nói rằng đó là việc giao thiệp, rồi sai trát đi bắt dân, làm ồn ào cả lên, nào là đưa, là đón, là khai, là báo, nào là uen phạt, uen oúi gray, quan đã quơ quèi được một số tiền to rồi. Phàm những việc sâu khổ ở dân gian, tức là những mối lợi to của quan lại. Không cú việc lớn việc nhỏ, việc hoãn việc cấp, hể nắm được một mảnh giấy của quan bảo hộ thì họ quý như hòn ngọc, coi như cái bùa hộ thân, vì nhờ đó mà thu được nặng túi!

Thậm chí các nha dịch và các tổng lý thấy béo bỏ quá cũng thèm mà tìm cách chắm mút đôi tý, đua nhau đem tiền bạc ra tình lo chạy, cầu được một chút gì nho nhỏ, nhại cái bà già cũng đủ no béo rồi. Nghiệm thế thì tình trạng khốn nạn của dân cũng đáng thương thật, chỉ vì sợ uy khiếp thế mà không dám ho he. Trong đám thân sĩ cũng nhiều người biết, vì mình ở ngoài vòng, sợ mang lấy hiềm nghi nên không dám nói đến. Các quan to cũng biết như thế cả, nhưng vì ăn của dút, rồi cũng già điếc già dui, còn các quan Bảo hộ thì vì ý tình không thông, không tài nào

hiểu thấu được. Đến bây giờ dân cùng của hết, người giàu, người nghèo, đều khốn khổ cả; người nào cũng oán thán, trộm cướp nổi lung tung, sự thế thật là nguy cấp. Thân sĩ trong nước, người thì xuống ra học chữ Tây, người thì xin bỏ khoa cử, người thì góp vốn mở cửa hiệu buôn, ý cũng muốn cứu vớt lấy vài phần trong trăm phần; quan lại ghét rằng làm thế là có ý muốn chống chọi với mình thì lại bảo là diên cuồng, cho là âm mưu, những lời vu oan giá họa, chắc là ngày nào cũng nói đến tai các quan Bảo hộ.

Than ôi! Nước Nam không kể là nước dã man hay nước bán khai, nhưng mấy nghìn năm nay theo học chữ nho, sách vở háy còn đó, nếu lấy yêu dân là công, hại dân là tội, bọn quan lại đều là người có đọc sách, có biết chữ mà dám lấy quan trường làm nơi bán hàng, coi nhân dân như cá thịt, bảo những lời thương dân là diên rồ, cho những việc hung lợi là phản nghịch, làm cho đen trắng mập mờ, phải trái lẫn lộn, làm bậy làm bạ, nói cần nói dỡ, không còn chút kiềng dè sợ hãi gì, thế là bởi quan lại nhân cái tệ xa cách mà gây nên.

Ba cái tệ mới kể ở trên, đó là mới nói qua đấy thôi, còn đến các thói nịnh hót, các cách tham bạo của quan lại, cho các nhà kỹ xảo Thái tây nghĩ mấy năm cũng không hiểu được; cái tình trạng đói rét sâu khổ của dân ngu, các nhà hội họa Thái tây vẽ mấy mươi bức cũng không đúng được.

Nhưng đó chỉ là tại chính phủ Bảo hộ dung túng quan lại, khinh rẻ sĩ dân, đến nỗi quan lại thừa cơ mà làm hại dân, còn đến cái chính sách kinh lý nước Nam của Chính phủ thì còn nhiều điều nên bàn nói nữa. Nghề làm ăn thì không dạy bảo, lối lợi thì không mở mang, chỉ biết sưu thuế thì tăng cho nhiều, bây giờ cùnh khốn đến thế này, tại quan lại làm hại dân, mười phần độ năm sáu, mà vì sưu thuế nặng nề thì mười phần đến ba bốn. Nước Việt Nam mấy nghìn năm nay chỉ trông vào nghề làm ruộng, việc chăn nuôi cùnh dẫu tằm cũng chưa thành nghề riêng, còn nghề công, nghề thương thì đành thua kém nhiều, không phải bàn đến nữa. Xưa kia suốt các hạng người trong nước, toàn là lưỡi biếng cấu thả, gặp sao hay vậy, triều

đình thì không lo tính đến việc mở mang thực nghiệp, ở chốn hương thôn thì phần nhiều là quân du thủ thu thực, nguồn lợi không thông, mới lợi lấp hết, vì thế cho nên các ngạch thuế đều thu nhẹ cả. Gặp năm đói kém, thì hoặc phát tiền hoặc cho vay gạo, dân ngu không có nghề nghiệp, chỉ hong hóng ngồi đợi người nuôi. Đến bây giờ khắp trong nước biết bao nhiêu đất bỏ hoang và dân vô nghệ, chính trị thì đổ nát, nhân dân thì ngu lười, đã trải bao nhiêu năm như thế rồi. Từ ngày thuộc quyền bảo hộ của nước Pháp, nào là bắc cầu sửa đường, xây đồn lập ải cho đến lương bổng của quan lại cũng tăng lên, chi tiêu tốn kém kể hàng mấy trăm vạn, mà số tiền thu vào trừ các ngạch thuế thương chính ra thì chỉ trông vào thuế đình, thuế điền, cũng là sự thế phải đến thế. Nhưng nếu được vài bậc đại thần có trí thức, có lòng nhân ái, và vài trăm viên quan lại có đức thanh liêm, có tài miễn cán, mà chính phủ tin dụng cho, để cùng nhau tính toán những việc dấy lợi trừ hại, mở tài nguyên cho nước, thêm đường sinh lý cho dân, rồi sau hấy lần lần lấy thuế thì trên đã có lợi cho nước, mà dưới cũng không có hại gì đến dân, cũng không phải là không có cách gì làm được. Nhưng nay không làm thế, lại lấy cớ rằng quan lại không có tài cán gì, nhân dân lại hay lừa dối, không cần hỏi đến ruộng rộng hay hẹp, tốt hay xấu, đình nhiều hay ít, giàu hay nghèo, cứ nhất luật mà lấy thuế, năm nay thêm một phần, sang năm thêm một phần, năm nay gia một khoản, sang năm gia một khoản. Chính phủ đã lấy thế mà tiêu dùng cho đủ, cố hết sức mà làm; quan lại lại lấy thế để làm đường mua quan, rán mồ dân cho đủ ngạch. Cứ theo việc trước mắt thì cách làm như thế không phải là không dễ mà là lại lấy được nhiều tiền, nhưng chỉ sợ rằng tát hết nước mà bắt cá, thì sau không thể có được mãi. Về khoa tài chính thì người Pháp rất là tinh tường, thử xem số hoa lợi của đất cát trong một tỉnh một năm được bao nhiêu, một người ăn mặc một năm hết bao nhiêu, chi tiêu vật vãnh một năm hết bao nhiêu, tiền đóng sưu nộp thuế một năm hết bao nhiêu, so tính cho kỹ thì nhân dân tiêu dùng thừa thãi hay là túng thiếu, thật là rõ

ràng, không còn phải bàn nói nữa; hướng chỉ quan lại lại sách nhiễu, sưu dịch lại nặng nề, và gặp năm thiên tai, tiền của vật sản lại còn hao hụt không biết là bao nhiêu; lại còn chưa kể đến những quân lười biếng ăn bám và những quân trộm cướp bóc lột nữa. Thế mà muốn cho nhân dân không khốn đốn mà chết dần chết mòn đi, thì có thể nào được không? Lại còn đến cái tệ sưu dịch thật cũng không thể nói xiết được, mỗi tên đình một năm đóng thuế thân rồi phải bốn ngày công ịch và mười ngày công sưu, còn như đi làm thú tạp dịch khác đều có tiền thuế, cứ như thế thì giống như dân cũng không đến nỗi khốn khổ gì cho lắm. Nhưng mà ở chốn hương thôn thật là phiền nhiễu, người nọ đi, người kia về, nối gót nhau trên đường không có ngày nào được yên cả. Quan lại lại nhân thế mà quấy nhiễu, tha tên này, bắt tên kia, tùy ý mình muốn thế nào thì làm thế, lúc đầu thì quan đem tiền thuế dân, sau thì dân đem tiền thuế quan; dứa cùng dân vì thế mà hết sản nghiệp, mà mất nghề làm ăn cũng thật nhiều. Còn những tiền cố công, tiền hòa mái của Nhà nước phát cho, thì nha lại ăn béo ăn xén, dân nghèo quanh năm vận tải ở trên đường, khốn khổ khó nhọc, mà tiền công mười đồng chỉ lĩnh được hai ba đồng mà thôi, như thế mà muốn cho bọn cùng dân không lia tan trôi dạt, có thể nào được không?

Nhân dân nước Nam bây giờ ngu xuẩn như trâu, như ngựa, tha hồ cho người ràng trói, cho người đánh đập, có miệng mà không dám kêu, gần chết mà không dám than thở, lại thêm lấy uy thế của Bảo hộ và quan lại nước Nam tàn nhẫn, cứ dùng roi vọt mà đánh cho đau, thì muốn gì mà chẳng được! Tôi sợ rằng người giàu thì nghèo đi, người nghèo càng thêm khốn, người hèn yếu nhút nhát thì phải đi ăn mày ăn xin, quần gian dối mạnh bạo thì thành ra ăn trộm ăn cướp, trong dăm bảy năm nữa, chốn hương thôn tiêu điều, nhân dân mòn mỏi, không vì đói rét mà chết, thì cũng vì lia tan mà chết, không chết ở đường xá, thì cũng chết vì quan lại hà hiếp: đến lúc ruộng không có người cày, việc không có người làm, thuế má không có

người nộp, tuy có lột da đeo xương, làm đến đâu thì cũng lại theo dân giống dờ ở Mỹ châu mà thôi, chứ có ích lợi được việc gì đâu!

Than ôi! Nã-phá-luân hoàng đế là ông sứ giả trời sai xuống rắc cái hoa tự do, người Âu châu đến bây giờ vẫn khen ngợi; lại đến câu "yêu giặc như bạn", đàn bà trẻ con nước Pháp vẫn còn nhắc đến luôn. Nay một nước cũ mấy nghìn năm ở cõi Á đông, mới thuộc về ngọn cỏ ba sắc, mà đã đến khốn khổ, uất ức không tự lập được, các quan Bào hộ chắc cũng đau lòng xót ruột ngày đêm lo lắng, tìm phương cứu vớt cho; lẽ nào để như thế mãi mãi, làm hại đến danh dự của nước Pháp, khiến cho kẻ khác mượn cớ thế mà thêm tiếng chê bai? Ở nước Nam bây giờ, quan lại tham tàn, sưu thuế nặng nề, nhân dân sầu khổ, thật đã quá lắm rồi, mà các quan Bào hộ vẫn hình như chưa biết, thế chẳng chậm lắm rồi ư?

Mới đây trong Nam ngoài Bắc, nhân dân đồn thổi đều nói rằng cái chính sách cai trị nước Nam nay Chính phủ muốn đổi phương châm, làm cho người Tây người Nam cùng lòng hợp sức với nhau, đó thực là cái kế vững bền lâu dài vậy. Nhưng tôi thường đọc những bài diễn thuyết của quan toàn quyền đăng ở các tờ báo, một thì nói rằng khoan đãi người Nam, việc cải hình luật, mở trường học, và các việc khác, cũng có nói đến nhiều, mà đến việc quan lại và việc sưu dịch, thì thật không nói động đến; ông chủ bút báo nọ ở Hải Phòng là người Pháp, bàn việc Đông Dương dài đến mấy vạn lời, cái tệ sưu thuế, nói cũng đã hết, mà cái việc quan lại nước Nam thì lại nói rằng "không theo cái phép cũ nước Nam, thì không trị được dân Nam". Ý kiến sai lầm như thế, thật lạ lùng thay! Nay chính phủ Bào hộ dùng quan lại để áp chế dân nước Nam cũng đã lâu rồi đến bây giờ muốn đẩy lợi mà không trừ hại trước, mưu yên dân mà không chọn quan trước, thì lợi đấy sao được, dân yên sao được?

Bây giờ dân nước Nam đã sắp chết đến sau lưng, mà quan lại thì trừ việc truyền lệnh thu thuế, không còn biết

việc gì nữa, họ không làm qua loa cho xong chuyện, thì họ lại nhân dịp để kiếm tiền, đã không có công hiệu gì mà lại thêm nhiều dân nữa. Vẽ màu xanh sắc đỏ vào bức tường đất bùn, bày vật lạ miếng ngon trên cái bàn bụi bặm, chỉ mất công mà được ích gì đâu! Thế mà cứ nói khoan đãi người Nam, khai hóa người Nam, có khác gì sợ con trẻ vùi khóc, mà đem bánh ngọt quả chín ra dỗ, lo dân đói làm trộm cướp mà chớ mò vàng mò bạc ra chỉ làm cho nó nghi ngại mà chết thêm mà thôi, vẽ cái chính sách kinh lý Việt Nam có thấy ích lợi được chút gì đâu.

Tôi xét kỹ chính sách của chính phủ Bào hộ hình như ngờ sĩ dân nước Nam thăm mưu chống cự, muốn nhờ quan lại để dò xét, dùng hình phạt để hiếp chế, làm như thế chỉ nên mất sĩ khí của sĩ phu, mà thêm cái gian cho quan lại, về sự thực không đúng gì cả. Nay, yêu tự do, mưu độc lập, lấy sự làm nô lệ người là xấu hổ, ngờ cho dân tộc bên Âu châu có lòng như thế là phải rồi, chứ ngờ cho sĩ dân nước Nam như thế thì không khác gì ngờ người phải bệnh bại trèo tường ăn cướp, ngờ cho đứa bé ba tuổi đốt nhà giết người. Nước Nam đã lâu nay học thuyết sai lầm, phong tục hu hòng, không có liêm sỉ, không có kiến thức, trong một làng một ấp cũng xâu xé lẫn nhau, cùng nói cùng giống, vẫn coi nhau như thù hận; cho dầu ai có muốn lo toan việc lớn, chưa kể rằng không có chỗ mà nương thân, không có khí giới mà dùng, không có tiền của mà tiêu, giả phỏng Chính phủ cho mượn dăm nghìn khẩu súng, cấp đất vài tỉnh cho ở, không thêm hỏi đến, tha hồ muốn làm gì thì làm, chỉ độ dăm năm, thật là báo thù lẫn nhau, đến chết hết mới thôi, quyết không thể sống nổi trong cái thế giới này, lại còn chống cự ai được nữa?

Sĩ dân nước Nam, không làm gì nổi, đã đành là không phải lo, song bảo rằng cùng với chính phủ Bào hộ một lòng một chí, không ngờ vực nhau, sống chết có nhau, thì cũng chưa hẳn đã có như thế. Vài mươi năm nay, quan lại tàn